

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP 3, Phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358

Fax: (0251) 3859917

Email: congybbcc@gmail.com

Website: www.bbcc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA



2019

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN



Mục lục

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
Định hướng phát triển
Rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông
Báo cáo phát triển bền vững

03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến trong năm
Kế hoạch phát triển
Về việc thực hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 04

Về các mặt hoạt động của Công ty
Về hoạt động của Ban Giám đốc
Kế hoạch và định hướng

QUẢN TRỊ CÔNG TY 05

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 06

Báo cáo của Ban Giám đốc
Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Các giải thưởng tiêu biểu	14
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
Sơ đồ tổ chức	19
Định hướng phát triển	20
Rủi ro	22





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa
Tên Tiếng Anh Bien Hoa Building Materials Production and Construction Joint Stock Company
Tên viết tắt BBCC
Mã cổ phiếu VLB
Vốn điều lệ 470.000.000.000 đồng
Logo

Trụ sở chính: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP 3, Phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3859358
Fax: (0251) 3859917
Email: congybbcc@gmail.com
Website: www.bbcc.com.vn
Giấy CN ĐKDN số: 3600275107, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/07/2018





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1983

Ngày 03/12/1983, Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ.UB của UBND Thành phố Biên Hòa.

1988

Ngày 01/04/1988, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 xí nghiệp: Xí nghiệp khai thác đất, Xí nghiệp khai thác đá Tân Thành và Xí nghiệp khai thác cát thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 397/QĐ-UBTP ngày 10/3/1988 của UBND thành phố Biên Hòa.

1991

Ngày 12/03/1991, sáp nhập Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói vào Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 282/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1992

Ngày 19/12/1992, thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai theo quyết định số 2304/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

1996

Ngày 12/11/1996, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa đổi tên thành Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 5425/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.
Ngày 26/12/1996, thành lập các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 412/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1997

Ngày 13/09/1997, thành lập Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 505/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1998

Ngày 29/06/1998, thành lập Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 242/QĐ-UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

2003

Ngày 01/10/2003, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác – Chế biến Tân Bản vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3480/QĐ.CT.UBT ngày 26/09/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)



2004

Ngày 01/10/2004, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác đá Thiện Tân vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3386/QĐ.CT.UBT ngày 27/07/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2005

Ngày 05/05/2005, Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.
Ngày 07/07/2005, UBND tỉnh Đồng Nai chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND.

2006

Ngày 29/06/2006, sáp nhập Công ty TNHH MTV Khai thác đá Đồng Nai thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 138/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

2015

Ngày 01/11/2015, Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

2016

Ngày 19/02/2016, Công ty được UB-CKNN công nhận đủ điều kiện là công ty đại chúng.
Ngày 17/06/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 45.000.000 cổ phiếu.
Ngày 22/09/2016, Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là VLB.

2018

Ngày 06/04/2018, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 01 số 59/2016/GCNCP-VSD-1 với số lượng chứng khoán bổ sung: 2.000.000 cổ phiếu, tổng số lượng chứng khoán đăng ký lên 47.000.000 cổ phiếu.

2019

Ngày 29/01/2019, Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đã chào bán thành công 8.647.000 cổ phiếu VLB (tương ứng 18,397% vốn điều lệ) thông qua phương thức giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Nhà nước giảm tỷ lệ nắm giữ xuống còn 49% vốn điều lệ BBCC.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- Huân chương Lao động Hạng Ba (năm 1988), Huân chương Lao động Hạng Nhì (năm 1991), Huân chương Lao động Hạng Nhất (năm 1996).
- Huân chương Độc lập Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng theo Quyết định số 165/QĐ/CTN, ngày 13/2/2012.
- Giải Bạc “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” hai năm 1997 và năm 1998 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng.
- Giải Vàng “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” năm 1999 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng.



- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động do Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam phong tặng theo Quyết định số 287/KT/CTN, ngày 14/07/2000.
- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2000, 2002, 2003, 2004; Cờ thi đua của UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng năm 2015, 2016, 2017, 2018.
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” tỉnh Đồng Nai năm 2006, 2010, 2016, 2019.
- Nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Tài Chính, Tổng Cục thuế, Bộ Công Thương, Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng, UBND tỉnh Đồng Nai,... trao tặng.

Các cấp ngành khen thưởng năm 2019:

Cấp ngành khen thưởng	Nội dung	Số quyết định
UBND tỉnh Đồng Nai	Tặng danh hiệu doanh nghiệp xuất sắc cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đã có thành tích xuất sắc từ năm 2016 đến năm 2018	3158/QĐ-UBND ngày 08/10/2019





Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất san lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông.
- Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng kỹ thuật và công nghiệp.
- Đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình.
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy và đường bộ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

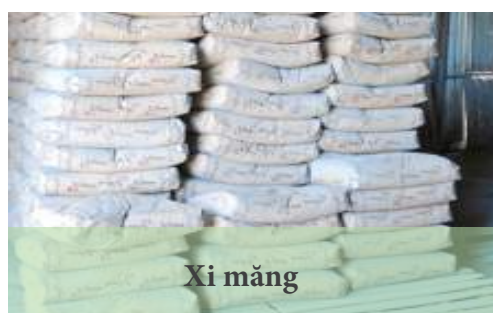
Một số sản phẩm vật liệu xây dựng



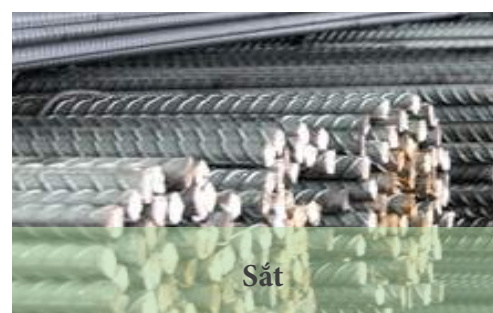
Gạch ngói



Bồn chứa nước



Xi măng



Sắt



Gạch men



Cát xây dựng

Địa bàn kinh doanh:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá của BBCC từ tỉnh Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau, trong đó thị trường trọng điểm là các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây Nam bộ,...

Một số sản phẩm đất, đá



Đá mi bụi



Đá 1x2



Đá 5x7



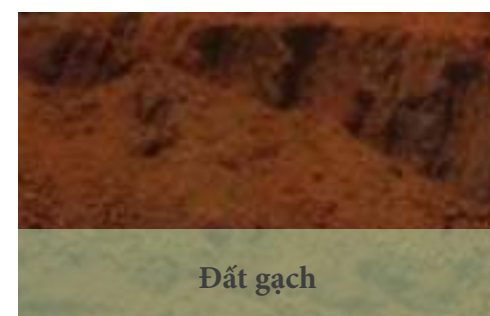
Đá 0x4



Đá 4x6



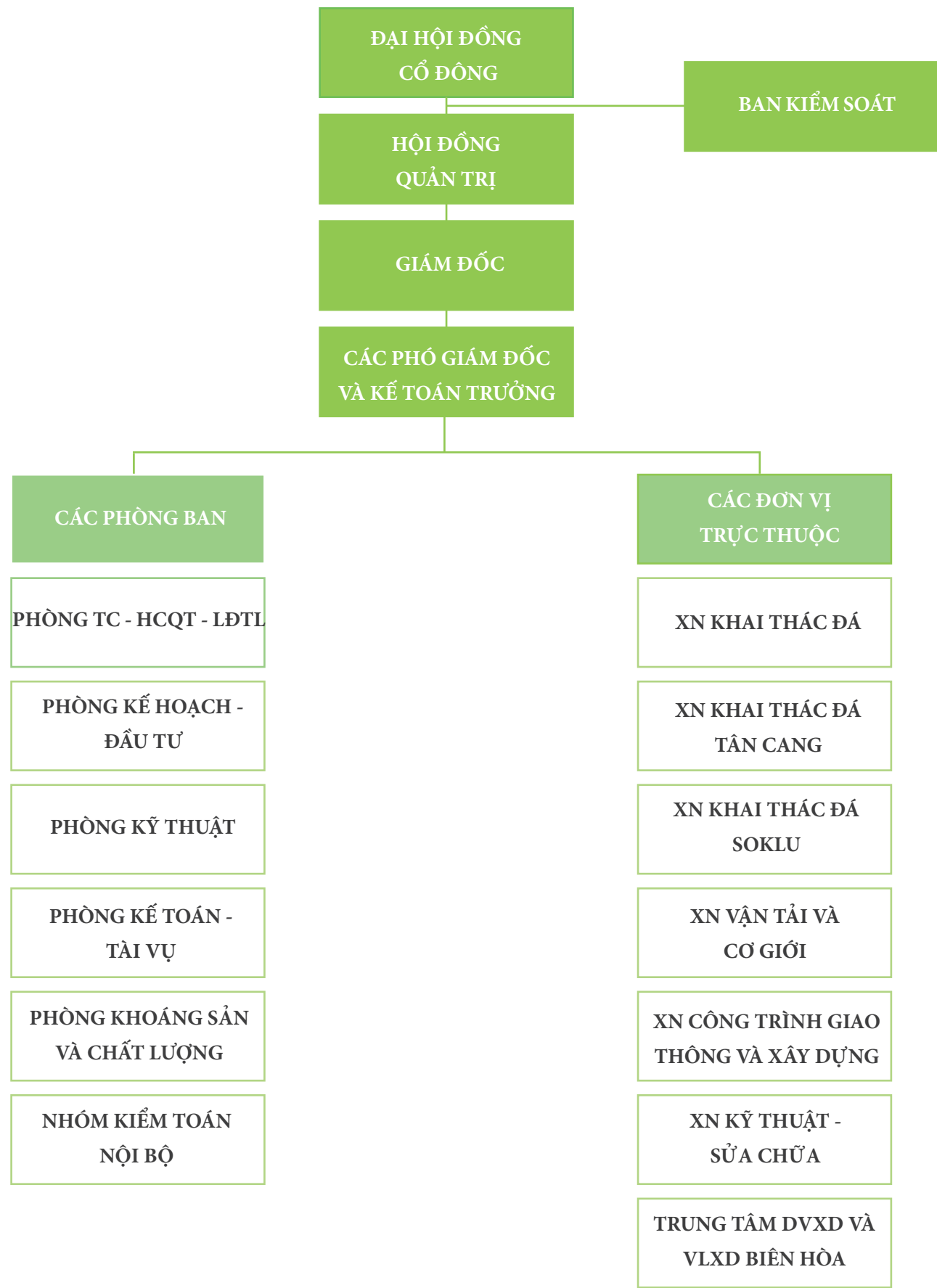
Đá mi sàng



Đất gạch



Đất sỏi





Đối với hoạt động sản xuất:

- Tập trung phát triển toàn diện về tài chính, nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất tiên tiến.
- Đẩy mạnh đầu tư sản xuất, đa dạng hóa thêm sản phẩm có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn; tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty ở thị trường trong nước.
- Xây dựng Công ty thành doanh nghiệp hàng đầu tại khu vực về khai thác, chế biến đá xây dựng.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh mảng khai thác và chế biến đá xây dựng các loại; tối ưu chất lượng khai thác, hiệu quả tại các mỏ đá hiện có.
- Tìm kiếm, khảo sát, thăm dò các mỏ đá mới, mở rộng phạm vi hoạt động cũng như tìm kiếm các đối tác chiến lược có năng lực và tiềm lực để hỗ trợ khâu hoạt động cũng như tạo các hợp đồng, dự án cho Công ty.
- Phát triển hoạt động thi công hạ tầng giao thông và xây dựng, gắn với từng bước nghiên cứu thâm nhập vào lĩnh vực kinh doanh hạ tầng, dự án khu dân cư, nhà ở.



Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Xây dựng hệ thống quản trị Công ty hiệu quả để phát huy tối đa các nguồn lực là thế mạnh của Công ty, cũng như có khả năng khai thác và tận dụng tốt các cơ hội của thị trường trong từng giai đoạn cụ thể.
- Coi trọng việc xây dựng, duy trì văn hóa doanh nghiệp, xác định văn hóa doanh nghiệp là cốt lõi, nền tảng phát triển.
- Không ngừng nâng cao thương hiệu doanh nghiệp; chú trọng đổi mới, sáng tạo để phát triển bền vững.
- Xác định và thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng, xã hội thông qua việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên; thực hiện và vận động cán bộ công nhân viên (CBCNV) tích cực tham gia các hoạt động nhân văn, từ thiện, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.



RỦI RO



Rủi ro môi trường

Hầu hết các mỏ đá đều lộ thiên, do đó những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp. Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sống của người dân xung quanh khu vực và môi trường tự nhiên. Vì vậy trong quá trình khai thác và chế biến đá, Công ty luôn tuân thủ các chính sách, quy định về môi trường, lựa chọn công nghệ tiên tiến đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để hạn chế tác động đến môi trường.

Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng khá lớn đến ngành xây dựng và vật liệu xây dựng vì một nền kinh tế phát triển luôn đòi hỏi một cơ sở hạ tầng phù hợp để đáp ứng.

Nhìn chung, năm 2019, kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt được một số thành tựu nổi bật. Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2019 tăng 7,02%, trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4% vào mức tăng chung. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành xây dựng vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực với tốc độ tăng 9,1%. Lạm phát bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018. Nền tảng kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì và củng cố.

Đặc biệt, trong những năm trở lại đây, sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường bất động sản và việc Nhà nước chủ trương đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút nguồn FDI hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế chính là một cơ hội tốt cho các doanh nghiệp trong ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng nói chung, trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa. Ước tính năm 2019, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành đạt 2.046,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm trước và bằng 33,9% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 634,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 31% tổng vốn và tăng 2,6% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 942,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 46% và tăng 17,3%; khu vực FDI đạt 469,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 23% và tăng 7,9%.

Những thay đổi trong nền kinh tế luôn tác động đến các doanh nghiệp. Vì vậy, BBCC luôn quan tâm đến những chính sách, biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước nhằm đưa ra những định hướng phát triển phù hợp.

Rủi ro pháp luật

Rủi ro pháp luật xảy ra cho BBCC trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh các tranh chấp pháp lý từ các bên đối tác trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, BBCC đang giao dịch hợp pháp trên thị trường chứng khoán nên phải tuân thủ Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các luật chuyên ngành, các nghị định và thông tư liên quan. Hiện nay, Quốc hội dự kiến đưa ra các sửa đổi để dần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, có thể kể đến Luật Chứng khoán (sửa đổi) sẽ có hiệu lực ngày 01/01/2021. Ngoài ra, hoạt động của Công ty cũng bị chi phối bởi các chính sách về xây dựng, khai thác khoáng sản, tài nguyên, đất đai,... Vì vậy, Công ty cần có sự chuẩn bị, nghiên cứu trước các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật khi có thay đổi nhằm hạn chế các rủi ro về pháp luật liên quan.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro nói trên, Công ty còn xác định một số nhân tố rủi ro phi hệ thống như hỏa hoạn, thiên tai, trong đó, nghiêm trọng nhất là dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (COVID-19) khởi phát vào cuối năm 2019 và đang diễn biến phức tạp, lây lan sang nhiều nước. Những rủi ro này có thể đem lại thiệt hại vô cùng lớn cho Công ty, do đó, để phòng ngừa và hạn chế tác động nếu có, BBCC cần chủ động sử dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh COVID-19, các loại hình bảo hiểm phù hợp, trang bị kiến thức về dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên để kịp thời có các biện pháp ứng phó phù hợp, giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đối với hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Đối với sản phẩm đá xây dựng do công ty trực tiếp khai thác, các chính sách pháp luật về tài nguyên khoáng sản, môi trường thường xuyên được điều chỉnh, nhất là luôn có chiều hướng tăng thuế tài nguyên, tiền thuê đất, phí bảo vệ môi trường. Do đó, đây là một áp lực cho ban lãnh đạo công ty phải xây dựng chính sách khai thác các mỏ đá hiện tại một cách phù hợp, hiệu quả.

Đối với sản phẩm vật liệu xây dựng mà Công ty đang sản xuất kinh doanh, BBCC sẽ chịu ảnh hưởng từ việc biến động giá cả các nguồn nguyên liệu đầu vào. Vì vậy, Công ty cần theo sát tình hình biến động giá nguyên, vật liệu và xây dựng chính sách quản lý hàng tồn kho hiệu quả, nhằm đảm bảo được lợi ích kinh tế nhất định hoặc giảm thiểu rủi ro khi giá cả nguyên liệu biến động.

Ngoài ra, các loại nhiên liệu và năng lượng như xăng, dầu, điện,... cũng là những yếu tố đầu vào rất quan trọng. Năm 2019, giá xăng, dầu liên tục được điều chỉnh, tăng nhiều hơn giảm và giá điện tăng cao kể từ ngày 20/3/2019. Đối với BBCC, chi phí điện và nhiên liệu chiếm tới 9,62% tổng chi phí sản xuất. Điều này đã gây áp lực cho BBCC khi chi phí đầu vào sản xuất kinh doanh ngày một tăng. Nhìn chung, giá các loại nhiên liệu này vừa phụ thuộc vào tình hình biến động trên thị trường thế giới vừa phụ thuộc vào chính sách điều chỉnh giá của Nhà nước nên sẽ khó tránh khỏi việc gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty cần có những biện pháp sử dụng nhiên liệu, năng lượng điện một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Rủi ro cạnh tranh

Cạnh tranh trong ngành vật liệu cũng đang dần trở nên gay gắt do việc hội nhập chung của đất nước, các Công ty nước ngoài có cơ hội tham gia vào thị trường Việt Nam. Năm 2019, có 36,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 5,3%, lĩnh vực xây dựng có số doanh nghiệp thành lập mới là 17.000 doanh nghiệp, tăng 1,6%. Chính vì điều này, BBCC luôn quan tâm đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng của sản phẩm nhằm khẳng định vị thế thương hiệu của BBCC, nâng cao tính cạnh tranh của Công ty với các đối thủ khác trên thị trường.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	26
Tổ chức và nhân sự	27
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	32
Tình hình tài chính	33
Cơ cấu cổ đông	36
Báo cáo phát triển bền vững	39





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% Thực hiện 2019/ Kế hoạch 2019	% Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018
Doanh thu thuần	978.243	1.048.197	1.131.754	107,97	115,69
Lợi nhuận trước thuế	180.385	122.000	164.195	134,59	91,02
Lợi nhuận sau thuế	143.948	97.600	130.828	134,05	90,89

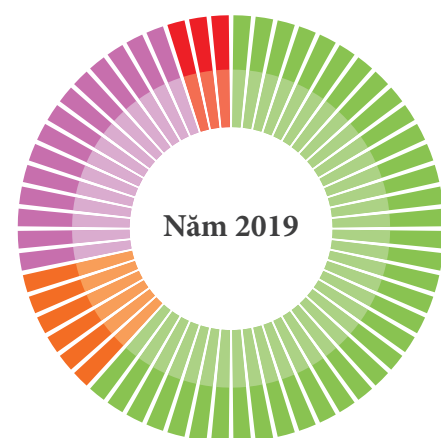
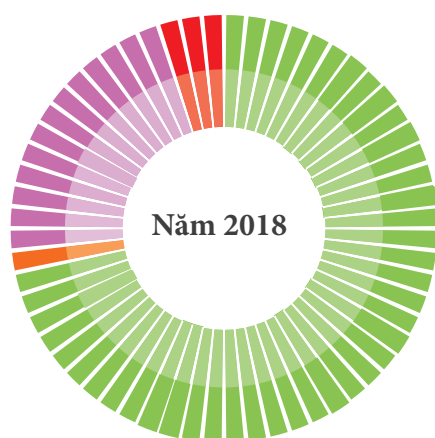
Cùng với sự phát triển của đất nước, năm 2019, BBCC tiếp tục đạt được những kết quả vượt bậc, theo đúng kỳ vọng và đã hoàn thành tốt các kế hoạch đã đặt ra.

Trong năm qua, doanh thu thuần hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 15,69% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc sản lượng tiêu đá tiêu thụ và doanh thu từ hoạt động thi công hạ tầng tăng. Ngược lại, lợi nhuận sau thuế giảm hơn 13 tỷ đồng tương đương giảm 9,11%. Nguyên nhân chủ yếu là do thuế tài nguyên, tiền cấp quyền, chi phí vận chuyển hàng hóa, giá xăng dầu, giá điện, chi phí vật tư đầu vào tăng,...

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán đất, đá	696.008	71,15	704.776	62,27
Doanh thu xây dựng	4.629	0,47	101.040	8,93
Doanh thu bán hàng hóa	220.956	22,59	269.058	23,77
Doanh thu khác	56.650	5,79	56.880	5,03
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	978.243	100	1.131.754	100



Trong cơ cấu doanh thu, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là doanh thu bán đất đá, cụ thể năm 2019 chiếm 62,27%. Trong năm, doanh thu từ tất cả lĩnh vực đều tăng so với năm 2018. Đặc biệt, doanh thu từ xây dựng tăng 2082% từ 4,6 tỷ đồng tăng lên hơn 101 tỷ đồng chủ yếu là do việc thi công hạ tầng khu đô thị sân golf, thể thao và du lịch sinh thái Long Thành, với giá trị hợp đồng trên 125 tỷ đồng.

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
2	Hứa Hồ Điệp	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc
4	Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc
5	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Lý lịch Ban điều hành

Ông Huỳnh Kim Vũ – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh : 15/02/1973
 Nơi sinh : Bình Dương
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Kế toán
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 55.040 cổ phiếu, chiếm 0,12% VDL
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 7.050.000 cổ phiếu, chiếm 15 % VDL

Ông Hứa Hồ Điệp – Phó Giám đốc

Năm sinh : 28/01/1960
 Nơi sinh : Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân khoa học Quản trị Kinh doanh
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 39.440 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

Ông Nguyễn Xuân Việt – Phó Giám Đốc

Năm sinh : 31/07/1962
 Nơi sinh : Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí ô tô
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 53.940 cổ phiếu, chiếm 0,11% VDL
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Ông Nguyễn Hùng Thắng – Phó Giám đốc

Năm sinh : 10/10/1973
 Nơi sinh : Đồng Tháp
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh doanh và quản lý
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 36.640 cổ phiếu, chiếm 0,077% VDL
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Ông Phạm Quốc Thái – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh : 30/01/1969
 Nơi sinh : Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài Chính Doanh Nghiệp
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 55.240 cổ phiếu, chiếm 0,12% VDL
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 3.290.000 cổ phiếu, chiếm 7% VDL

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT		25/04/2019
2	Trần Thị Thùy Lan	Thành viên HĐQT		25/04/2019
3	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT	25/04/2019	
4	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	25/04/2019	
5	Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát		25/04/2019
6	Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên Ban kiểm soát	25/04/2019	
7	Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám Đốc	22/04/2019	

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	710	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	141	19,86%
2	Trình độ cao đẳng	15	2,11%
3	Trình độ trung cấp	33	4,65%
4	Công nhân kỹ thuật	496	69,86%
5	Lao động phổ thông	25	3,52%
II	Theo độ tuổi	710	100,00%
1	Dưới 36 tuổi	101	14,23%
2	Từ 36 tuổi đến 45 tuổi	299	42,11%
3	Từ 46 tuổi đến 55 tuổi	246	34,65%
4	Trên 55 tuổi	64	9,01%
III	Theo giới tính	710	100,00%
1	Nam	618	87,04%
2	Nữ	92	12,96%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

Chính sách nhân sự

Mặc dù khoa học công nghệ đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển, nhưng với BBCC, con người là tài sản lớn nhất, vẫn luôn là nhân tố quan trọng. Vì vậy, BBCC không ngừng đầu tư, phát triển chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu mục tiêu, chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Nhờ đó, người lao động đã phát huy hết năng lực và mang lại những sáng kiến, cải tiến thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nắm vững và làm chủ công nghệ.

Mặt khác, yếu tố quan trọng tạo nên tảng cốt lõi, góp phần tạo các giá trị văn hóa được gây dựng nên trong suốt quá trình phát triển của BBCC, giúp đơn vị thích ứng với những thay đổi trong môi trường bên ngoài đó là:

<p>Văn hóa của niềm tin bền vững: CBCNV lao động luôn nêu cao ý thức về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong sự gắn kết thành một tập thể thống nhất, không ngừng phát huy sức mạnh nội lực để vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cấp trên giao.</p>	<p>Văn hóa làm việc: BBCC luôn tạo môi trường làm việc hài hòa, xây dựng một tập thể đoàn kết, đồng thuận, gắn kết từ cấp lãnh đạo đến người công nhân trực tiếp sản xuất.</p>	<p>Văn hóa kinh doanh: xây dựng nâng cao hình ảnh, thương hiệu BBCC với chất lượng, giá cả sản phẩm, cung cách phục vụ, lắng nghe, kịp thời phản hồi thông tin với khách hàng và trách nhiệm đối với cộng đồng.</p>
---	--	---

Chính sách lương, thưởng:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.800.000	11.860.000	11.900.000	12.600.000

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề kinh doanh và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương được căn cứ theo trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên. Từ đó, khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất, góp phần xây dựng và phát triển Công ty hơn nữa. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách đãi ngộ phù hợp để khuyến khích nhân viên giỏi, thu hút lao động có trình độ, năng lực từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Để động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ hoặc thưởng đột xuất cho những nhân viên có đóng góp tích cực, đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.



Chính sách bảo hiểm phúc lợi:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của người lao động khi nghỉ hưu, ốm đau, thai sản. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức ăn giữa ca, thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ lần 1, lần 2 (đối với những người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm), khám bệnh nghề nghiệp, khám chuyên khoa nữ, cấp thuốc điều trị tại chỗ, trợ cấp thôi việc, hưu trí, mua bảo hiểm tai nạn 24/24,... Hằng năm, Công ty định kỳ tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể và tình hình tài chính của Công ty.



Chính sách tuyển dụng và đào tạo



Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Công ty đã ban hành thủ tục tuyển dụng số OA002; CBCNV được tuyển dụng phải có trình độ, kinh nghiệm, năng lực công tác đáp ứng phù hợp yêu cầu, vị trí cần tuyển.

BBCC xác định năng lực làm việc của công nhân viên là nền tảng vững chắc, tạo nên sức mạnh phát triển lâu dài. Bằng việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, chú trọng phát triển đào tạo và cơ hội phát triển, đã tạo nên các giá trị cốt lõi của BBCC. Vì vậy, tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ về thời gian hoặc kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty. Công nhân trực tiếp sản xuất được đào tạo và tập huấn định kỳ theo đúng chuyên môn, đảm bảo đủ tiêu chuẩn từng công việc theo yêu cầu của Công ty và quy định của pháp luật về lao động. Khi cần thiết, cán bộ quản lý được cử đi học các khóa ngắn hạn để cập nhật kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao chuyên môn.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Khoản mục	Mô tả	Mục đích	Qui mô	Thời hạn thực hiện	Tổng đầu tư (Tỷ đồng)
1	Đầu tư xây mới Bờ kè sắt 20m Máy xay số 2 Tân Cang	Xây dựng mới 1 Bờ kè sắt cho máy xay đá (20m - Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang)	Sử dụng cho Máy xay số 2	01 hạng mục	Tháng 04/2019 – tháng 07/2019	0,39
2	Đầu tư xây mới Bờ kè sắt 20m Máy xay số 1 Tân Cang	Xây dựng mới 1 Bờ kè sắt cho máy xay đá (20m - Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang)	Sử dụng cho Máy xay số 1	01 hạng mục	Tháng 08/2019 – tháng 10/2019	0,38
3	Đầu tư xây mới Bờ kè sắt 16m Máy xay số 10 Tân Cang	Xây dựng mới 1 Bờ kè sắt cho máy xay đá (16m - Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang)	Sử dụng cho Máy xay số 10	01 hạng mục	Tháng 10/2019 – tháng 12/2019	0,27
4	Chi phí đền bù, nhận chuyển nhượng mở rộng khu vực khai thác mỏ	Mỏ đá Thiện Tân 2	Mở rộng diện tích khai thác	61.378,8 m ²	Tháng 8/2019	77,517
		Mỏ đá Thạnh Phú 1	Mở rộng diện tích khai thác	5.737,7 m ²	Tháng 8/2019	5,737
		Mỏ đá Soklu 5	Mở rộng khai thác thông moong	15.039 m ²	Tháng 9/2019	6,717
Tổng cộng						91,011



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% 2019/2018
1	Tổng giá trị tài sản	757.872	840.302	110,88
2	Doanh thu thuần	978.243	1.131.754	115,69
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	176.650	163.386	92,49
4	Lợi nhuận khác	3.734	809	21,67
5	Lợi nhuận trước thuế	180.385	164.195	91,02
6	Lợi nhuận sau thuế	143.948	130.828	90,89

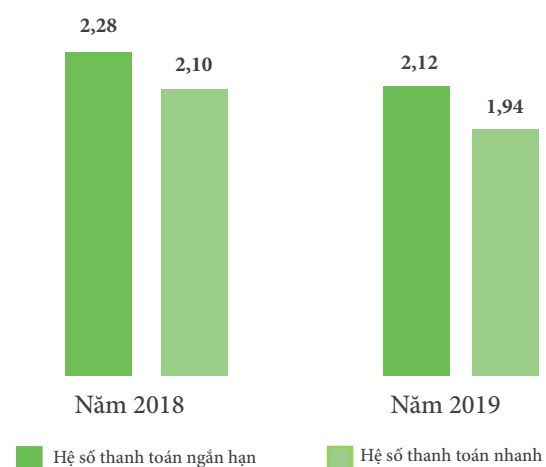
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,28	2,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,10	1,94
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	20,88	23,37
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	26,39	30,50
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	27,65	28,13
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,29	1,35
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,71	11,56
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	25,26	21,04
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	19,83	16,37
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	18,06	14,44



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



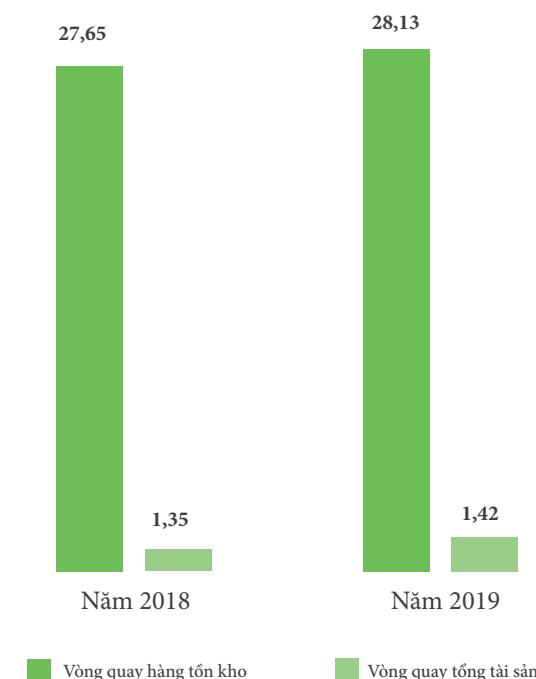
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tốc độ tăng của nợ ngắn hạn nhanh hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn nên cả hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2019 đều giảm so với năm 2018 và lần lượt đạt các mức 2,12 lần và 1,94 lần. Khoản tiền 52,9 tỷ đồng, phần lớn phải trả cho các nhà thầu phụ của công trình sân golf, thể thao và du lịch sinh thái Long Thành, chính là nguyên nhân làm cho nợ ngắn hạn tăng nhanh hơn tài sản ngắn hạn. Tuy vậy, Công ty không có nợ quá hạn và vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều tăng, thể hiện hiệu quả trong việc sử dụng tài sản luôn được chú ý cải thiện. Năm vừa qua, chỉ số vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,29 lần lên 1,35 lần. Nguyên nhân do Công ty đã đầu tư gia tăng tài sản nhằm phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tài sản tăng từ 758 tỷ lên 840 tỷ. Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 ghi nhận ở mức 28,13 lần, tăng so với năm 2018 nguyên nhân chủ yếu do giá vốn hoạt động xây dựng tăng mạnh, cụ thể tăng thêm 94 tỷ đồng.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



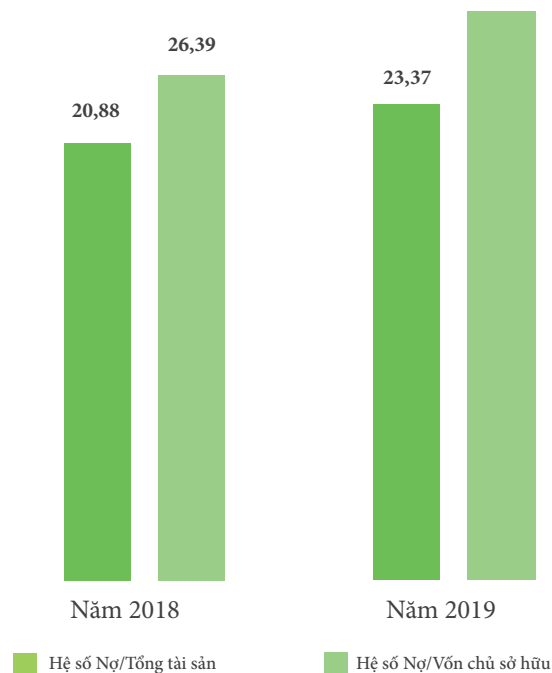
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Tất cả các hệ số thuộc nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do trong năm lợi nhuận sau thuế giảm đến 9,11% so với năm 2018 trong khi đó doanh thu thuần tăng 15,69%. Lợi nhuận sau thuế giảm chủ yếu do chi phí cho nhân viên, chi phí vận chuyển hàng hóa, giá xăng dầu, chi phí vật tư đầu vào tăng,... Chỉ số ROA và ROE của Công ty giảm nhẹ trong năm 2019. Cụ thể, ROE và ROA đều giảm gần 4%.

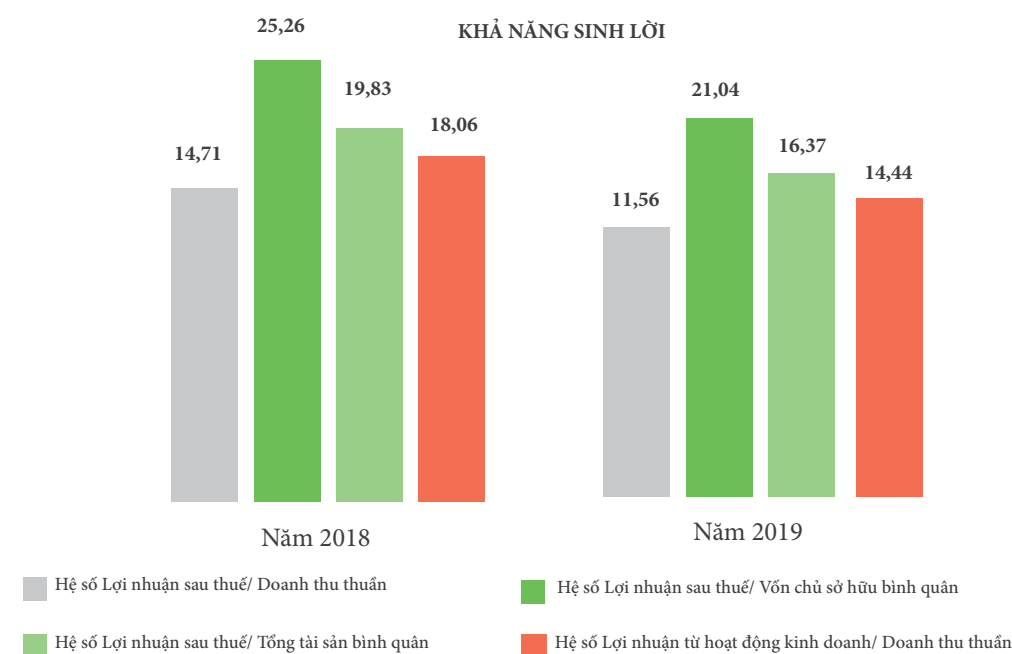
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Có thể thấy rằng BBCC đã nỗ lực duy trì tình hình tài chính khá lành mạnh khi công ty sử dụng 76,63% vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn của mình. Năm 2019 nợ phải trả tăng thêm 38 tỷ đồng nên hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đều tăng so với năm 2018, lần lượt đạt 23,37%, 30,5%. Dù vậy, Công ty vẫn duy trì không sử dụng nợ dài hạn và nợ vay nhằm làm giảm thiểu rủi ro tài chính trong quá trình hoạt động.

CƠ CẤU VỐN



KHẢ NĂNG SINH LỜI





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 47.000.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 46.824.860 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 175.140 cổ phiếu.
 Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông (chốt danh sách ngày 23/05/2019)

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông Nhà nước	23.030.000	230.300,00	49,00%
2	Cổ đông nội bộ	4.391.488	43.914,88	9,34%
3	Cổ đông trong nước	19.578.512	195.785	41,66%
	Cá nhân	14.940.012	149.400,12	31,79%
	Tổ chức	4.638.500	46.385,00	9,87%
4	Cổ đông nước ngoài	-	-	0,00%
	Tổng cộng	47.000.000	470.000,00	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/ Tổ chức	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH	3600253505	23/08/2018	23.030.000	49,00%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	0303898093	13/02/2015	4.500.000	9,57%

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tổng số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2019: 175.140 cổ phiếu.

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2019:

Số lượng CP mua	Ngày hiệu lực chuyển quyền	Giá giao dịch bình quân (đồng/cổ phiếu)	Đối tượng giao dịch
17.900	05/03/2019	17.100	Mua lại cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết.
50.040	19/09/2019	17.100	Mua lại cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết





Tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và nhiên liệu

Về tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, năm 2019, Công ty tiêu thụ được 4.242.919 m³ đất tăng phù tương ứng doanh thu trước thuế VAT là 58,8 tỷ đồng, vừa tăng doanh thu, đồng thời tiết kiệm hàng chục tỷ đồng chi phí bốc đất và di dời, đổ thải; riêng khối lượng đá phong hóa năm 2019 tiêu thụ được 912.103 m³, chiếm 15% khối lượng đá tiêu thụ năm 2019. Qua đó tiết kiệm khối lượng lớn tài nguyên khoáng sản tại các mỏ đá trực thuộc.



Mặt khác, tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tiêu hao nhiên liệu của các đội xe vận tải, cơ giới thông qua thực hiện hiệu quả công tác định mức và quyết toán nhiên liệu hàng tháng; kịp thời kiểm tra, xử lý hoặc định mức lại đối với những trường hợp có sự thay đổi, khác biệt so với định mức chung,... Nhờ đó, trong năm qua Công ty tiết kiệm được 139.672 lít dầu DO, tương ứng số tiền là 2.029.565.012 đồng.



Tiêu thụ nước

Năm 2019, BBCC tiêu thụ 8.381 m³ nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai cung cấp; khai thác 215.724 m³ nước mặt từ sông Đồng Nai và Sông Buông phục vụ công tác bảo vệ môi trường, khai thác 32.112 m³ nước dưới đất phục vụ sinh hoạt và công tác bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

Xử lý rác thải, chất thải trong quá trình sản xuất của Công ty trong năm

Rác thải sinh hoạt được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, Công ty TNHH Môi trường trí Ngọc Đạt và Hợp tác xã Vệ sinh Môi trường Nguyễn Huệ) đến thu gom, xử lý. Chất thải nguy hại phát sinh được giao cho Công ty TNHH Thương Mại - Môi trường Thiên Phước đến thu gom và đưa đi xử lý theo hợp đồng được ký kết hàng năm giữa hai Công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BBCC luôn đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các yêu cầu theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với từng mỏ đá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty tự hào là doanh nghiệp đi đầu, được UBND tỉnh Đồng Nai chọn là đơn vị điểm để nhân rộng việc áp dụng các biện pháp, giải pháp về bảo vệ môi trường đã và đang thực thực hiện (trồng cây xanh các loại tại các khu mỏ đá do BBCC quản lý, đầu tư xe bồn tưới đường; thực hiện sửa chữa, nâng cấp, bê tông hóa các đường nội bộ, bến thủy nội địa, các đoạn đẩu nối ra đường tỉnh lộ, đường liên xã; lắp đặt hệ thống phun xịt rửa xe tại các mỏ đá, bến thủy trực thuộc, thực hiện lắp đặt hệ thống phun sương chống bụi cho toàn bộ các máy xay đá và băng tải chuyển đá; nghiên cứu áp dụng phương pháp nổ mìn mới nhằm hạn chế khí thải vào môi trường không khí và giảm chấn động, đá văng, đảm bảo an toàn trong khai thác khoáng sản v.v..). Công ty xác định đây là trách nhiệm mà doanh nghiệp phải luôn tuân thủ nghiêm và tổ chức thực hiện ngày một tốt hơn để phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2019, Công ty tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật về bảo vệ môi trường, không có trường hợp bị xử phạt do vi phạm.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn quan tâm đến việc làm, cải thiện điều kiện, môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống của người lao động. Thu nhập bình quân của nhân viên trong năm nay là 12.600.000 đồng/người/tháng.

Duy trì đào tạo tay nghề, ngoài việc linh hoạt đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi trong công việc, còn bắt kịp với xu thế hiện đại, nhanh chóng tiếp thu, học hỏi được các thành tựu khoa học kỹ thuật để áp dụng vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả. Tiến tới xây dựng mỗi người lao động là một kiểm soát quá trình, giúp Công ty không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thương hiệu BBCC.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty duy trì tham gia tích cực các chương trình, công tác xã hội, tình nguyện, thiện nguyện hướng về cuộc sống cộng đồng như: duy trì thăm hỏi, trợ cấp hàng tháng đối với những gia đình chính sách mà doanh nghiệp nhận phụng dưỡng (bắt đầu từ năm 1998, Công ty nhận phụng dưỡng 10 trường hợp thuộc diện chính sách, đến nay còn 03); thăm hỏi, hỗ trợ, tặng quà cho Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, người già neo đơn, vô gia cư, các xã, địa phương, đơn vị còn khó khăn nhân dịp tết Nguyên đán; ủng hộ tập, sách cho các cháu học sinh thuộc các địa bàn khó khăn nhân dịp đầu năm học mới hay đóng góp vào các quỹ xây dựng, phát triển địa phương và nhiều chương trình thiện nguyện khác với số tiền 1,050 tỷ đồng, trong đó ủng hộ 7.434,67 tấn đá xây dựng nông thôn mới tại các địa phương tương đương số tiền 392 triệu đồng.



03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	44
Tình hình tài chính	46
Những cải tiến trong năm	48
Kế hoạch phát triển	49
Về việc thực hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội	55



TỔNG KẾT
SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2019
THỊ ĐẠI BIỂU NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2019

Tình hình hoạt động

Thuận lợi: Công ty luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ kịp thời của các ngành, các cấp. CBCNV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ kỹ thuật, tay nghề cao. Bên cạnh đó, sự kết hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh khoa học, nhịp nhàng cùng với tinh thần làm việc chủ động, hăng say, chất lượng của toàn bộ nhân viên BBCC là cơ sở quan trọng nhất giúp Công ty luôn hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty giao phó.

Khó khăn: Điềm lại tình hình trong năm 2019, những yếu tố khó khăn, thách thức liên tục tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đó là thị trường tiêu thụ sản phẩm đá không ổn định, vẫn chưa có nhiều khởi sắc do nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm khu vực miền Đông và Tây Nam bộ chưa triển khai hoặc chưa đẩy nhanh tiến độ thi công do khó khăn về vốn. Trong khi đó, chi phí đầu vào sản xuất ngày một tăng do giá xăng, dầu liên tục được điều chỉnh, tăng nhiều hơn giảm, cộng với giá điện tăng cao kể từ ngày 20/3/2019. Từ đó, cạnh tranh về giá bán sản phẩm giữa các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề diễn ra hết sức quyết liệt.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Đánh giá chung năm 2019, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vừa gặp phải những khó khăn thách thức nhưng đồng thời cũng có những yếu tố thuận lợi đan xen.

Trong năm 2019, BBCC đã thực hiện xong việc di dời và đưa vào hoạt động cụm máy xay đá từ khu chế biến 1 đến khu chế biến 2 - mỏ đá Tân Cang 1 nhằm thuận lợi trong việc vận chuyển đá ra đường chuyên dùng và phù hợp với quy hoạch lâu dài của mỏ đá Tân Cang 1. Công ty cũng đã thực hiện đền bù, nhận chuyển nhượng 61.378,8 m² đất tại mỏ đá Thiện Tân 2; 5.737,7 m² đất tại mỏ đá Thanh Phú 1; 15.039 m² đất tại mỏ đá Soklu 5 để mở rộng vùng nguyên liệu khai thác. Song song đó, BBCC đưa ra những biện pháp, giải pháp về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí lao động; công tác quản trị sản xuất- kinh doanh, quản lý chất lượng, thương hiệu và công tác kỹ thuật, sửa chữa, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát đồng bộ, hiệu quả. Ngoài ra, sự lao động miệt mài của 710 cán bộ công nhân viên góp phần quan trọng giúp Công ty vượt qua khó khăn chung của thị trường.

Chính nhờ những nỗ lực trên, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2019. Kết quả cụ thể như sau:



- Sản lượng đá tiêu thụ: 6.123.942 m³, đạt **104%** so với kế hoạch năm 2019.
- Doanh thu thuần: 1.131 tỷ đồng, đạt **107,97%** so với kế hoạch năm 2019.
- Nợ ngân sách: 264 tỷ đồng, đạt **131%** so với kế hoạch năm 2019.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt **27,8%**.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

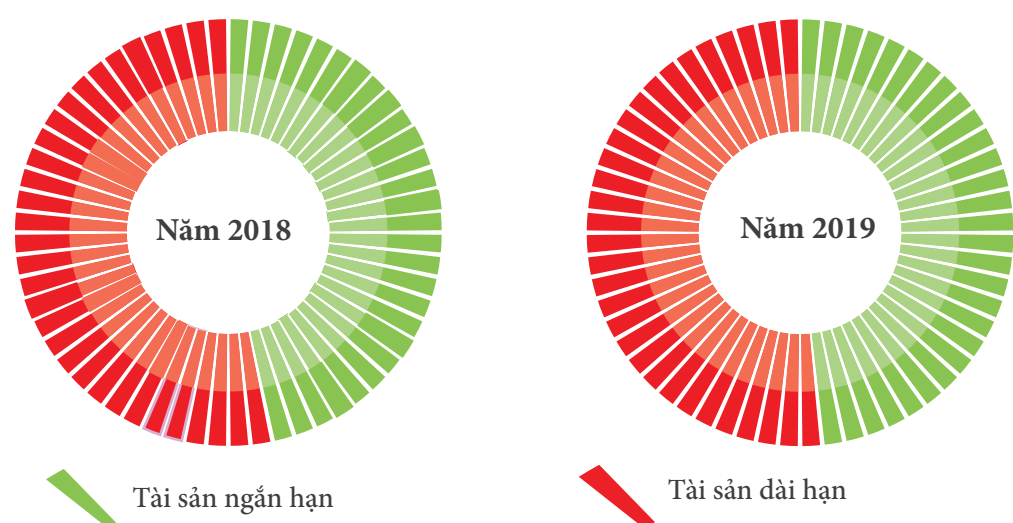
Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% 2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	361.462	47,69	416.447	49,56	115,21
Tài sản dài hạn	396.410	52,31	423.855	50,44	106,92
Tổng tài sản	757.872	100	840.302	100	110,88

Năm 2019, tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn xấp xỉ bằng nhau. Dù vậy, trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn.

Tổng tài sản năm vừa qua tăng 10,88% so với năm 2018, chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng hơn 50 tỷ đồng. Trong năm, BBCC có những khoản phải thu từ các công ty như Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ vận tải Châu Pha, Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng BMT,..., khoản phải thu này tăng 45 tỷ đồng so với năm 2018. Đây là nguyên nhân lớn làm gia tăng tài sản ngắn hạn. Bên cạnh đó, việc tăng tài sản dài hạn chủ yếu do chi phí trả trước cho việc bồi thường mỏ đá Thiện Tân 2, đền bù mỏ đá Thạnh Phú, mỏ đá Soklu 5,... để mở rộng vùng nguyên liệu khai thác.



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% 2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	158.249	100	196.371	100	124,09
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	158.249	100	196.371	100	124,09

Nợ phải trả của Công ty được hình thành từ nợ ngắn hạn. Đặc biệt, Công ty không có khoản vay dài hạn nhằm đảm bảo cho Công ty luôn ổn định để quản lý và kiểm soát rủi ro có thể xảy ra.

Tổng nợ của BBCC tăng 24,09% tương đương gần 40 tỷ đồng so với năm 2018. Nguyên nhân do khoản phải trả người bán và các khoản thuế phải nộp cũng như chi trả cho người lao động tăng lên. Các khoản này tăng tương ứng với việc Công ty thực hiện các dự án như: xây dựng mới bờ kè sắt cho máy xay đá, di dời và đưa vào hoạt động cụm máy xay đá nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





BBCC đã thực hiện chính sách tinh gọn lao động nhưng không làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, khi có lao động đến tuổi nghỉ hưu, hoặc nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân thì Công ty sẽ không tuyển mới để bổ sung (trừ những trường hợp là tài xế xe tải, những vị trí đặc thù,...) mà thực hiện sắp xếp, đào tạo lại, điều chuyển lao động một cách hợp lý nhất toàn Công ty để bố trí lại lao động, giao thêm việc nhằm thay thế những trường hợp lao động giảm nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả, chất lượng công việc. Qua đó, từng bước gọn nhẹ bộ máy, nâng cao năng suất lao động, phù hợp với yêu cầu quản trị của Công ty cổ phần.

Tăng cường áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hoặc ứng dụng những công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất để tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, phát huy hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm từ Công ty đến các đơn vị sản xuất, đảm bảo tất cả các sản phẩm sản xuất ra đều phải được kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Di dời và nâng cấp trạm nghiền sàng đá có năng suất 250T/giờ lên 300T/giờ cho máy số 1, số 2 từ khu chế biến 1 đến khu chế biến 2 của mỏ đá Tân Cang 1 nhằm tăng cường năng lực sản xuất tại mỏ đá.



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Thuận lợi:

- BBCC đã có kinh nghiệm hơn 30 năm trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng. Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng trong nước.
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ của các cấp, các ngành, sự đồng thuận của Quý cổ đông .v.v.. chính là động lực, nền tảng để BBCC ngày càng phát triển hơn.
- Đội ngũ nhân sự chất lượng, nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với sự phát triển của BBCC; có truyền thống đoàn kết, vượt khó, tinh thần làm việc chủ động, cần cù, sáng tạo.
- Sản phẩm đá xây dựng của BBCC được đánh giá là có chất lượng tốt, năng lực sản xuất lớn, hệ thống quản lý chất lượng luôn được duy trì và cải tiến liên tục. Vì vậy luôn được nhiều chủ đầu tư ưu tiên lựa chọn.

Khó khăn:

- Tình hình thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đến quá trình khai thác và chế biến đá xây dựng; dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (COVID-19) ảnh hưởng nhiều chiều đến tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam trong đó có ngành xây dựng và khai thác khoáng sản; với 3 tác động chính vào tăng trưởng, đầu tư và thương mại, dịch vụ, du lịch; gián đoạn các chuỗi giá trị sản xuất quan trọng, suy giảm tiêu dùng.
- Giá cả vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế luôn biến động, tăng nhiều hơn giảm gây khó khăn cho BBCC trong quá trình lập chi phí.
- Nhiều chính sách vĩ mô của Nhà nước chưa ổn định, đang trong quá trình hoàn thiện, trong đó có các chính sách về thuế tài nguyên, các loại phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó tiền thuê đất được điều chỉnh tăng mạnh từ 30% đến 300% .v.v...
- Tình hình kinh tế biến động, giá cả các nhiên liệu, nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào (xăng, dầu, điện) không ổn định cũng ảnh hưởng đến việc tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tình hình nợ công cao, việc giải ngân vốn ODA cho các dự án lớn trong thời gian qua chậm, nguồn vốn cho các dự án mới gặp nhiều khó khăn do các ngân hàng siết chặt việc thẩm định vốn vay tín dụng từ các dự án BOT, BT, trong khi năng lực sản xuất của BBCC là rất lớn, tổng công suất của các mỏ đá trực thuộc bình quân 20.000m³/ngày; khi đầu tư công của Nhà nước gặp khó khăn sẽ tác động và ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của BBCC.
- Việc đền bù phần diện tích còn lại tại các mỏ đá: Tân Cang 1 (2,4ha), Thiện Tân 2 (1,47ha) và Thạnh Phú 1 (2,5ha) gặp rất nhiều khó khăn do người dân đẩy giá lên rất cao, cộng với hồ sơ đất, giấy tờ sở hữu liên quan một số thửa đất có sự khác biệt về diện tích so với thực tế, hoặc chưa hoàn chỉnh để Công ty có thể tiến hành thương lượng, đền bù.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN (tt)

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành Công ty đề xuất Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2020 như sau:

Giá trị	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
Sản xuất đá xây dựng các loại	m ³	5.900.000
Tiêu thụ đá xây dựng các loại	m ³	6.000.000
Sản xuất, tiêu thụ đất các loại	m ³	2.200.000
Doanh thu, trong đó:	triệu đồng	974.358
• Tiêu thụ sản phẩm đá	triệu đồng	909.677
• Tiêu thụ sản phẩm đất	triệu đồng	33.750
• Kinh doanh VLXD	triệu đồng	15.931
• Giao thông và xây dựng	triệu đồng	15.000
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	125.000
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	100.000

Kế hoạch đầu tư:

Dự kiến trong năm 2020, Công ty triển khai thực hiện các nội dung, hạng mục sau:

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Hoàn tất việc đền bù mở rộng 2,4 ha mỏ đá Tân Cang 1	Theo giá thực tế của thị trường
2	Hoàn tất việc đền bù mở rộng 1,47 ha mỏ đá Thiện Tân 2	Theo giá thực tế của thị trường
3	Hoàn tất việc đền bù mở rộng 2,5 ha mỏ đá Thạnh Phú 1	Theo giá thực tế của thị trường

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Giá trị	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu thuần	tỷ đồng	974,358
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	125
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	100
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	21,27
5	Cổ tức	%	Tối thiểu 15%/mệnh giá cổ phần





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN (tt)

Biện pháp triển khai thực hiện:

Kế hoạch marketing quảng bá thương hiệu:

- Tiếp tục quảng bá và khẳng định thương hiệu BBCC thông qua việc sản xuất ra sản phẩm đá có chất lượng tốt, khối lượng lớn và đa dạng về chủng loại sản phẩm cung cấp cho khách hàng.
- Lấy thế mạnh vượt trội về đội ngũ con người có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực khai thác và chế biến đá xây dựng, hệ thống thiết bị chuyên ngành đồng bộ... là lợi thế cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.
- Duy trì quan hệ tốt và đẩy mạnh công tác marketing với các chủ đầu tư, các tỉnh, thành phố để nắm bắt kịp thời nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trong khu vực.

Khai thác, chế biến và kinh doanh đá xây dựng:

- Sản xuất ra nhiều loại sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, công trình. Tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm đá, tập trung sản xuất những chủng loại sản phẩm có giá trị cao, thị trường cần; giảm tỷ lệ phụ phẩm, tiết kiệm tài nguyên, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt theo từng thời điểm thị trường, đảm bảo sản lượng tiêu thụ và lợi ích cho Công ty.
- Tiếp tục khai thác tối đa lợi thế về giao thông đường thủy: bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên các bến thủy nội địa để phục vụ giao nhận hàng cho khách hàng.
- Không ngừng hoàn thiện phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh hợp lý, tập trung nhân lực, máy móc thiết bị, vốn phục vụ khai thác chế biến đá xây dựng đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Tiếp tục triển khai đẩy mạnh bốc và tiêu thụ đất tầng phủ tại các mỏ đá của Công ty, thực hiện khai thác hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên hướng đến phát triển bền vững.
- Tiếp tục quản lý, giám sát thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để phục vụ các yêu cầu, mục tiêu phát triển bền vững trong ngành khai thác khoáng sản.



Kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng:

- Đưa sản phẩm trực tiếp từ khâu sản xuất đến tiêu dùng và giảm dần khối lượng đá mua bán qua khách hàng trung gian nhằm đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
- Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của khách hàng để giúp Công ty BBCC nhận biết chính xác nhu cầu, thị hiếu khách hàng và đưa ra chính sách kinh doanh hợp lý.
- Mở rộng kinh doanh, cung ứng các loại vật liệu xây dựng chủ yếu như cát xây dựng, xi măng, sắt, thép,...
- Quản lý và khai thác hiệu quả Bến thủy nội địa Phù Sa làm bãi chứa và kinh doanh cát, bốc dỡ đá.
- Đa dạng hóa các hình thức thu hồi công nợ, đảm bảo mức nợ phải thu các khách hàng phù hợp với quy định của Công ty.

Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị (nội bộ):

Phát huy vai trò là đơn vị chủ lực trong việc bảo dưỡng, sửa chữa trong nội bộ công ty, vì hiện nay Công ty đã đầu tư hàng trăm máy móc thiết bị chuyên dùng cho ngành khai thác đá tại các mỏ và trong quá trình sử dụng, máy móc thiết bị bị hư hỏng cần phải được sửa chữa để kịp thời đưa vào hoạt động sản xuất.

Kinh doanh dịch vụ vận tải và thi công cơ giới:

Hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác đá xây dựng của các đơn vị nội bộ và khách hàng bên ngoài khi có nhu cầu.

Thi công các công trình cầu đường, xây dựng:

- Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng thuộc Công ty BBCC có thế mạnh với đội ngũ kỹ sư tư vấn, thiết kế lâu năm và nhiều kinh nghiệm trong việc đưa ra giải pháp thiết kế, thi công công trình. Đồng thời, do Công ty BBCC hoàn toàn chủ động trong việc cung cấp đá, vật liệu xây dựng các loại nên khi thi công công trình sẽ tiết kiệm được chi phí, thời gian và rút ngắn tiến độ thi công so các nhà thầu khác.
- Áp dụng cải tiến kỹ thuật trong thi công, cải tiến quy trình quản lý thi công nhằm giảm chi phí thi công công trình.
- Quản lý tốt việc thực hiện các hợp đồng thi công, chú trọng đến chất lượng, tiến độ thi công và lập hồ sơ thanh quyết toán công trình.



Nghiên cứu khoa học và công nghệ:

- Kịp thời ứng dụng những công nghệ mới phục vụ chuyên ngành khai thác và chế biến đá xây dựng.
- Ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường để ứng dụng trong sản xuất hạn chế ô nhiễm môi trường trong khai thác và chế biến đá xây dựng.
- Xây dựng hệ thống phần mềm trong quản trị, quản lý tổng thể doanh nghiệp nhằm ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các nghiệp vụ của công ty, các Xí nghiệp trực thuộc; sử dụng mạng thông tin nội bộ trong toàn hệ thống công ty nhằm quản lý kinh doanh hiệu quả, an toàn, nhanh chóng và chính xác; sử dụng có hiệu quả những thành tựu về công nghệ thông tin để thu thập thông tin và quảng bá hình ảnh công ty.



- Công ty cam kết triển khai và thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với tất cả cán bộ công nhân viên trong quá trình làm việc tại Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng bảo đảm đào tạo chuyên ngành, chăm lo sức khỏe và khuyến khích nhân viên làm việc, phản hồi và chia sẻ nguyện vọng hay đóng góp các ý kiến đổi mới; đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập.
- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức tặng quà, tuyên dương gương con CBCNV “Học giỏi, sống tốt” nhân dịp tổng kết niên học, tết Trung thu, quốc tế thiếu nhi 1/6, thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình chính sách, các học sinh nghèo, khó khăn, cơ nhỡ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhân dịp tết Nguyên đán. Các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sân chơi bổ ích, sự gắn bó, đoàn kết giữa các nhân viên trong Công ty, đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể chất, giúp CBCNV lao động có sức khỏe tốt để công tác, tích cực đóng góp vì mục tiêu phát triển chung của đơn vị.

Về các vấn đề về an toàn lao động: Công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Ban Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. • Công ty thực hiện chặt chẽ từ việc hợp đồng với đơn vị có chức năng huấn luyện an toàn lao động cho CBCNV đến công tác xây dựng kế hoạch, đánh giá về nguy cơ rủi ro. Ngoài ra, BBCC còn thực hiện kiểm tra định kỳ về an toàn vệ sinh lao động, về thực hiện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, thực hiện phương án bảo vệ, giữ gìn tài sản Công ty. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Công ty còn chỉ đạo cán bộ, lực lượng chuyên trách thường xuyên đeo bám thực tế để kiểm tra, giám sát, nhắc nhở người lao động nâng cao ý thức tự bảo vệ cá nhân, bảo vệ đơn vị, nhờ đó công tác an toàn lao động trong năm 2019 luôn được đảm bảo và duy trì tốt.

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty	58
Về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc	59
Kế hoạch và định hướng	60

G VĨNH MUÔN

TỔNG KẾT

NG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2019

ĐẠI BIỂU NGƯỜI LAO ĐỘNG

BPGC





VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty để đề ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp và kịp thời. Hội đồng quản trị đã tổ chức các buổi họp để đánh giá, chỉ đạo và quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Hội đồng quản trị luôn tôn trọng nguyên tắc làm việc, chủ động trao đổi, phối hợp, lắng nghe ý kiến và giải quyết công việc thuộc chức trách của Hội đồng quản trị trong thời gian nhanh nhất.

Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% Thực hiện 2019/ Kế hoạch 2019
Doanh thu, trong đó:	1.048.197	1.131.754	107,97
• Tiêu thụ sản phẩm đá	801.197	704.776	87,97
• Kinh doanh VLXD	102.000	269.058	263,78
• Dịch vụ vận tải và cơ giới	40.000	-	-
• Giao thông và xây dựng	105.000	101.040	96,23
• Doanh thu khác	-	56.880	-
Lợi nhuận trước thuế	122.000	164.195	134,59
Lợi nhuận sau thuế	97.600	130.828	134,05

Thông qua việc Chủ tịch HĐQT tham gia hội ý đầu tuần với Ban điều hành, tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty đã kịp thời đưa ra các giải pháp, biện pháp một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty. Kết thúc năm 2019, doanh thu thuần vượt 7,97% kế hoạch đề ra. Trong đó, kinh doanh vật liệu xây dựng ấn tượng với mức thực hiện năm 2019 là 269.058 triệu đồng, vượt 163,78% so với kế hoạch năm 2019. Bên cạnh đó, dưới sự nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, ghi nhận lợi nhuận sau thuế là 130.828 triệu đồng, vượt mức kế hoạch 34%.



VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2019. Trong năm vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều trở ngại từ môi trường tự nhiên cũng như là môi trường kinh tế - xã hội. Để đạt được kết quả kinh doanh khá tốt như vậy, các thành viên Ban giám đốc đã đặt nhiều nỗ lực, tâm huyết vào công tác điều hành và lãnh đạo tập thể cán bộ công nhân viên thực hiện kế hoạch kinh doanh. Các thành viên trong Ban Giám đốc phối hợp chặt chẽ với nhau và với các phòng ban trong thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị, xin ý kiến từ Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề phát sinh. Sự phối hợp giữa Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra theo đúng định hướng và kế hoạch đã đặt ra. Mặt khác, Ban Giám đốc cũng rất quan tâm đến công tác chăm lo đời sống của người lao động trong Công ty, duy trì lực lượng lao động ổn định cho Công ty. Ban Giám đốc cũng tích cực tham gia và khuyến khích người lao động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ và đóng góp cho các hoạt động tình nguyện, hoạt động thiện nguyện.





KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Qua nhận định tình hình chung cho cả năm 2020, thị trường tiêu thụ sản phẩm đá dự báo sẽ khó khăn hơn do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (COVID-19), Hội đồng quản trị và Ban điều hành sẽ tiếp tục phát huy những thế mạnh nội lực đồng thời quyết tâm khắc phục những khó khăn, đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2020, cụ thể:

Tập trung hiệu quả mọi nguồn lực cho ngành nghề sản xuất- kinh doanh chính, có thể mạnh là khai thác đá, tiếp tục giữ vững thị trường truyền thống, đẩy nhanh tiêu thụ sản phẩm bằng nhiều giải pháp, theo dõi sát sao tình hình, diễn biến của thị trường vật liệu xây dựng, tình hình triển khai những dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông tại các khu vực, hạn chế tối đa sản phẩm tồn kho; không ngừng hoàn thiện quản trị doanh nghiệp, điều hành tổ chức sản xuất - kinh doanh khoa học, phát huy thế mạnh thương hiệu.

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành tiến hành chỉ đạo các phòng nghiệp vụ nghiên cứu, đánh giá tình hình, thực trạng năng lực máy móc, thiết bị chủ lực để nâng công suất (đối với các máy xay đá) hoặc đầu tư mới, thực hiện gia công một số công đoạn một cách hợp lý để nâng cao năng lực sản xuất, kịp thời tăng tốc, đón đầu khi các dự án lớn tại khu vực, các hạng mục công trình phụ và dự án sân bay Long Thành triển khai.

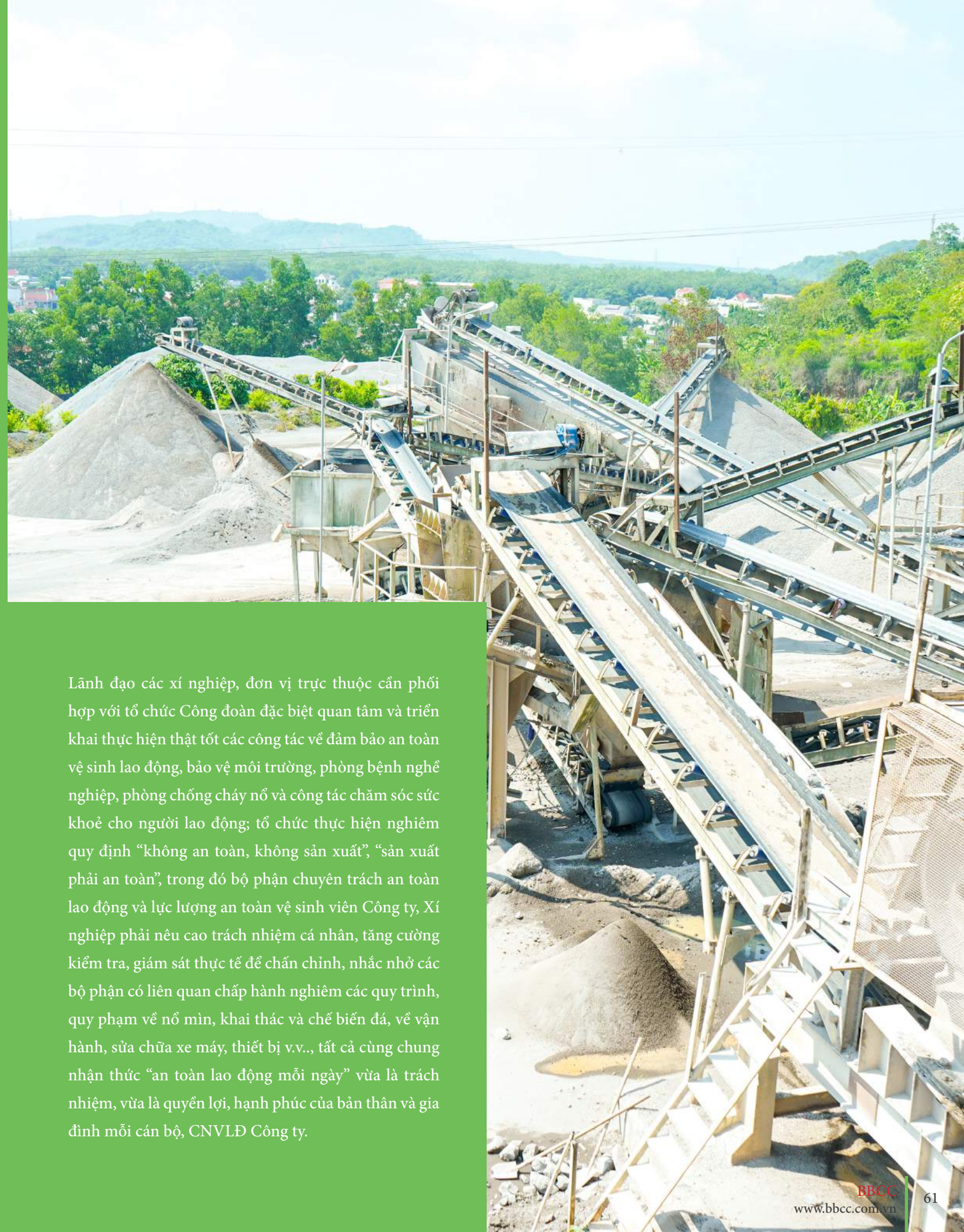
Tập trung chỉ đạo công tác kiểm soát quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu, yêu cầu về tiết kiệm trong khoan- nổ mìn, sử dụng điện năng, nhiên liệu, sửa chữa, thay thế vật tư, phụ tùng; giám sát chặt chẽ việc thực hiện các định mức tiêu hao; quản lý việc điều động, bố trí xe máy tại các xí nghiệp khoa học, hiệu quả v.v., đảm bảo cơ cấu giá thành sản phẩm hợp lý để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực.

Chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành Công ty thực hiện các thủ tục pháp lý để mở rộng diện tích khai thác tại mỏ đá Soklu 2 và Soklu 5, kéo dài thời hạn khai thác, tạo thêm việc làm cho người lao động tại Xí nghiệp; thường xuyên rà soát, hoàn tất thủ tục thuê đất đối với những diện tích đền bù, cố gắng thực hiện xong công tác đền bù tại các mỏ đá Tân Cang 1, Thiện Tân 2 và Thạnh Phú 1 để mở rộng vùng nguyên liệu khai thác.

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hỗ trợ tìm kiếm khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm đất, đá; đồng thời tăng cường tìm kiếm công trình giao thông và xây dựng để phát triển lĩnh vực này, vừa tăng thêm doanh thu, lợi nhuận, vừa tạo việc làm cho CBCNV Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng.

Tăng cường phát huy sự minh bạch trong tất cả các hoạt động của Công ty đại chúng quy mô lớn; tăng cường xây dựng niềm tin, cộng đồng trách nhiệm, đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các cổ đông và người lao động Công ty.

Rà soát, xác định nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể; tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và đảm bảo an toàn-vệ sinh lao động toàn Công ty.



Lãnh đạo các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc cần phối hợp với tổ chức Công đoàn đặc biệt quan tâm và triển khai thực hiện thật tốt các công tác về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ và công tác chăm sóc sức khoẻ cho người lao động; tổ chức thực hiện nghiêm quy định “không an toàn, không sản xuất”, “sản xuất phải an toàn”, trong đó bộ phận chuyên trách an toàn lao động và lực lượng an toàn vệ sinh viên Công ty, Xí nghiệp phải nêu cao trách nhiệm cá nhân, tăng cường kiểm tra, giám sát thực tế để chấn chỉnh, nhắc nhở các bộ phận có liên quan chấp hành nghiêm các quy trình, quy phạm về nổ mìn, khai thác và chế biến đá, về vận hành, sửa chữa xe máy, thiết bị v.v., tất cả cùng chung nhận thức “an toàn lao động mỗi ngày” vừa là trách nhiệm, vừa là quyền lợi, hạnh phúc của bản thân và gia đình mỗi cán bộ, CNVLD Công ty.

05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	64
Ban kiểm soát	70
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	72





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên và các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	
2	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	11/11	100%	
3	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	11/11	100%	
4	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT	04/11	36%	Tham gia HĐQT từ ngày 25/4/2019
5	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	04/11	36%	Tham gia HĐQT từ ngày 25/4/2019
6	Hứa Hồ Điệp	Nguyên Thành viên HĐQT	07/11	64%	Miễn nhiệm ngày 25/4/2019
7	Trần Thị Thùy Lan	Nguyên Thành viên HĐQT	07/11	64%	Miễn nhiệm ngày 25/4/2019

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 24/06/1972
 Nơi sinh : Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 48.774 cổ phiếu, chiếm 0,10% VDL
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 9.400.000 cổ phiếu, chiếm 20% VDL

Ông Huỳnh Kim Vũ - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Xem phần lý lịch Ban Điều hành).

Ông Phạm Quốc Thái - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (Xem phần lý lịch Ban Điều hành).

Ông Nguyễn Quốc Phòng – Thành viên HĐQT

Năm sinh : 29/06/1977
 Nơi sinh : Lâm Đồng
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Tín dụng
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên HĐQT

Năm sinh : 10/11/1983
 Nơi sinh : Bình Phước
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	50/NQ-HĐQT	16/01/2019	Thông qua kế hoạch khen thưởng năm 2018 - Tết Kỷ Hợi 2019.
2	51/NQ-HĐQT	12/03/2019	Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
3	52/NQ-HĐQT	12/03/2019	Thông qua chủ trương tiếp nhận, tuyển dụng cán bộ.
4	53/NQ-HĐQT	25/03/2019	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
5	54/NQ-HĐQT	25/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018. Thông qua quỹ tiền lương thực hiện, quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động; quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ thưởng của người quản lý Công ty năm 2018. Thông qua quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động; quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, quỹ thưởng của người quản lý Công ty năm 2019. Thông qua chủ trương đầu tư đường bê tông xi măng, dày 30cm vượt nổi từ trạm cân 3 đến đường vận chuyển nội bộ tại khu chế biến 2 - mỏ Tân Cang 1. Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng văn phòng làm việc Xí nghiệp Khai thác đá Tân Cang. Thông qua chủ trương triển khai các thủ tục thực hiện hợp tác đầu tư dự án khu dân cư 1,23 ha đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bửu Hòa thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. Thông qua chủ trương tạm nộp thuế TNCN thay cho hộ ông Nguyễn Hoài Phong để sang tên Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và lập thủ tục thuê đất.
6	55/NQ-HĐQT	08/04/2019	Thông qua danh mục tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
7	56/NQ-HĐQT	22/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét, bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty. Sửa chữa, di dời máy xay đá (số 2) từ khu chế biến 1 đến khu chế biến 2 – mỏ đá Tân Cang 1. Đầu tư làm bờ kè sắt 20 mét cho máy xay đá số 2 – mỏ đá Tân Cang 1. Góp vốn bằng tài sản gắn liền với Bãi 3 tại xã Tân Hạnh, tp Biên Hòa theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khánh Tâm Phát và Công ty TNHH MTV Nghiêm Phát. Rà soát công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
8	57/NQ-HĐQT	08/05/2019	Thực hiện thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2018 bằng tiền.
9	58/NQ-HĐQT	22/05/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kế hoạch nghỉ mát năm 2019 của CBCNV lao động Công ty. Sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty.
10	59/NQ-HĐQT	21/08/2019	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi, cổ phiếu ESOP của người lao động nghỉ việc trước thời hạn để làm cổ phiếu quỹ.





Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (tt):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	60/NQ-HĐQT	21/08/2019	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3/2019. Thông qua chủ trương di dời, sửa chữa máy xay đá số 1 và số 10 từ khu chế biến 1 đến khu chế biến 2 mỏ đá Tân Cang 1. Thông qua chủ trương làm bờ kè sắt máy xay đá số 1 và số 10 tại khu chế biến 2 mỏ đá Tân Cang 1. Thông qua chủ trương tháo dỡ, thu hồi trạm biến áp 3P 560KVA (số 9) – mỏ đá Thạnh Phú 1. Thông qua chủ trương xử lý tiền nộp thuế thu nhập cá nhân do Công ty đã nộp thay cho các hộ dân để sang tên Giấy chứng nhận QSDĐ và lập thủ tục thuê đất đối với 11 hộ đã thỏa thuận bồi thường trước đây, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại mỏ đá Tân Cang 1. Thông qua chủ trương tạm nộp thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ thay cho 10 hộ đã thỏa thuận bồi thường, có Giấy chứng nhận QSDĐ (giấy cũ) để lập thủ tục cấp đổi, sang tên, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất tại mỏ đá Tân Cang 1. Thông qua chủ trương tạm nộp thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ thay cho 37 hộ đã thỏa thuận bồi thường, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập thủ tục cấp đổi, sang tên, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất tại mỏ đá Thạnh Phú 1. Thông qua việc sửa đổi Quy chế trả lương, thưởng, thù lao của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. Thông qua chủ trương đền bù, nhận chuyển nhượng khoảng 15.066 m2 đất, mở rộng khu vực khai thác mỏ đá Soklu 5. Thông qua chủ trương đền bù, nhận chuyển nhượng khoảng 50.101 m2 đất mở rộng khu vực khai thác mỏ đá Thiện Tân 2

			<ul style="list-style-type: none"> Thông qua chủ trương tạm trích quỹ khen thưởng của Người quản lý Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa 06 tháng đầu năm 2019. Thông qua chủ trương ngưng triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư dự án khu dân cư 1,23ha đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bửu Hòa. Thông qua chủ trương ngưng, không thực hiện xây dựng Văn phòng làm việc Xí nghiệp Khai thác đá Tân Cang. Thông qua chủ trương ngưng, không thực hiện góp vốn bằng tài sản gắn liền với Bãi 3 tại xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khánh Tâm Phát và Công ty TNHH MTV Nghiêm Phát. Thông qua chủ trương đền bù, nhận chuyển nhượng khoảng 5.753,1 m2 đất, mở rộng khu vực khai thác mỏ đá Thạnh Phú 1.
12	61/NQ-HĐQT	15/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua chủ trương xây dựng mới tuyến đường dây điện trung thế 22kV để cung cấp điện cho mỏ đá Tân Cang 1 và tháo dỡ, thu hồi tuyến điện hiện hữu. Thông qua chủ trương xây dựng tuyến thoát nước (Đoạn 2) từ mỏ đá Thạnh Phú 1 đến Rạch Bà Tiên.
13	62/NQ-HĐQT	13/12/2019	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ước kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2019. Thông qua chủ trương thanh lý tháo dỡ, thu hồi trạm biến áp 3P 560KVA (số 2) mỏ đá Tân Cang 1. Thông qua chủ trương thanh lý tháo dỡ bờ kè đá học, móng máy xay, văn phòng và móng trạm cân 1 tại khu chế biến 1 mỏ đá Tân Cang. Thông qua chủ trương về hạn mức vay vốn năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai. Thông qua chủ trương về hạn mức nợ đối với khách hàng truyền thống mua đá của Công ty. Thông qua việc điều chỉnh, sửa đổi thang lương, bảng lương Công ty. Thông qua việc giải quyết cho ông Hứa Hồ Điệp – Phó Giám đốc Công ty nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/02/2020.



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên và các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng ban kiểm soát	02/02	100%	
2	Huỳnh Huy Anh Thư	Kiểm soát viên	02/02	100%	
3	Nguyễn Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	01/02	50%	Tham gia BKS từ ngày 25/4/2019
4	Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Kiểm soát viên	01/02	50%	Miễn nhiệm ngày 25/4/2019

Lý lịch Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Đường Tài – Trưởng ban kiểm soát

Năm sinh : 06/08/1975
 Nơi sinh : Long An
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Tài chính – Kế toán
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 36.540 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu

Bà Huỳnh Huy Anh Thư – Kiểm soát viên

Năm sinh : 10/01/1981
 Nơi sinh : Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 3.290.000 cổ phiếu, chiếm 7% VDL

Bà Nguyễn Thị Thu Trà – Kiểm soát viên

Năm sinh : 18/08/1984
 Nơi sinh : Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
 Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
 Số cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận của Công ty.
- Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm 2019 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, góp ý kiến, chất vấn các nội dung được nêu ra trong các cuộc họp trên.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị				
	Nguyễn Văn Dũng	450.000.000	87.600.000	252.000.000	
	Huỳnh Kim Vũ	-	146.400.000	-	
	Phạm Quốc Thái	-	146.400.000	-	
	Nguyễn Quốc Phòng	-	99.342.857	141.000.000	25/04/2019- 31/12/2019
	Nguyễn Thanh Tùng	-	99.342.857	141.000.000	25/04/2019- 31/12/2019
	Hứa Hồ Điệp	-	47.057.143	-	01/01/2009- 24/04/2019
	Trần Thị Thùy Lan	-	47.057.143	67.000.000	01/01/2009- 24/04/2019
2	Ban Kiểm soát				
	Huỳnh Đường Tài	540.000.000	-	137.000.000	
	Huỳnh Huy Anh Thư	-	109.800.000	125.000.000	
	Nguyễn Thị Thu Trà	-	74.507.143	83.000.000	25/04/2019- 31/12/2019
	Nguyễn Thị Thuận Hiếu	-	35.292.857	20.000.000	01/01/2009- 24/04/2019
3	Ban điều hành				
	Huỳnh Kim Vũ	876.000.000	-	239.416.147	
	Hứa Hồ Điệp	732.000.000	-	206.000.000	
	Nguyễn Xuân Việt	732.000.000	-	200.000.000	
	Nguyễn Hùng Thắng	505.428.571	-	133.000.000	22/04/2019- 31/12/2019
	Phạm Quốc Thái	732.000.000	-	218.000.000	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Giám đốc	76
Ý kiến của kiểm toán	79
Báo cáo tài chính	80



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600275107, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 3 859 358
- Fax : +84 (0251) 3 859 917

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp công trình giao thông và xây dựng	KP4, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp kỹ thuật sửa chữa	Tổ 12, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác đá	Tổ 12, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang	Tổ 93, Đường Bùi Hữu Nghĩa, ấp Tân Mỹ, KP 5, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác đá Soklu	Km 07, Quốc lộ 20, Ấp Nguyễn Huệ 2, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp vận tải và cơ giới	K4/79C, đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trung tâm dịch vụ xây dựng và vật liệu xây dựng	Số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ngoài ra Công ty còn có các địa điểm kinh doanh sau:

Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Bến thủy nội địa Thạnh Phú	Tổ 7, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Bến thủy nội địa Thiện Tân	Tổ 1, ấp 6-7, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Cảng vật liệu xây dựng Hóa An (Bến Phù Sa)	Tổ 24, ấp 2, xã Tân Hạnh, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;



- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ hoạt động bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2017
Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Ông Hứa Hồ Điệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Ông Hứa Hồ Điệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Thị Thùy Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Bà Trần Thị Thùy Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Bà Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Hứa Hồ Điệp	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Quốc Thái	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc,

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

Ngày 13 tháng 03 năm 2020

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn



Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot SH06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.04.01/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 01 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2020

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		416.447.035.718	361.462.423.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	209.866.580.066	248.193.593.485
1. Tiền	111		51.866.580.066	106.193.593.485
2. Các khoản tương đương tiền	112		158.000.000.000	142.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		92.000.000.000	40.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	92.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.134.673.697	41.470.300.127
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	68.926.038.478	23.908.038.285
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.326.831.403	12.600.812.909
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.881.803.816	4.961.448.933
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		36.132.928.171	28.843.037.582
1. Hàng tồn kho	141	V.7	37.361.563.640	29.045.259.838
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.228.635.469)	(202.222.256)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		312.853.784	2.955.492.691
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	312.853.784	2.955.492.691
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	423.855.156.789	396.409.977.769
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	27.492.891.069	26.390.419.347
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b 27.492.891.069	26.390.419.347
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	120.899.949.027	158.994.369.137
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8 120.799.599.023	158.721.990.565
- Nguyên giá	222	545.261.315.861	546.140.174.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(424.461.716.838)	(387.418.184.336)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9 100.350.004	272.378.572
- Nguyên giá	228	474.300.000	474.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(373.949.996)	(201.921.428)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10 -	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	275.462.316.693	211.025.189.285
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11 251.428.509.777	177.994.527.222
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12 24.033.806.916	33.030.662.063
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	840.302.192.507	757.872.401.654

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		196.370.506.083	158.249.143.922
I. Nợ ngắn hạn	310		196.370.506.083	158.249.143.922
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	52.895.911.457	25.002.047.540
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	13.260.000.523	29.196.753.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	28.365.242.297	12.374.656.293
4. Phải trả người lao động	314	V.16	28.903.736.453	6.955.281.970
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	90.000.000	90.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	9.754.234.303	2.566.325.821
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	63.101.381.050	82.064.078.665
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		643.931.686.424	599.623.257.732
I. Vốn chủ sở hữu	410		643.931.686.424	599.623.257.732
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a, b	470.000.000.000	470.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		470.000.000.000	470.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20a	21.270.787.461	21.270.787.461
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20a	(2.994.894.000)	(1.833.120.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	34.154.058.952	21.071.284.636
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	121.501.734.011	89.114.305.635
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		18.801.955.635	89.114.305.635
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		102.699.778.376	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		840.302.192.507	757.872.401.654



Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập

Phạm Quốc Thái
Kế toán trưởng

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

Biên Hòa, ngày 16 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.131.753.556.746	978.243.088.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.131.753.556.746	978.243.088.888
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	913.805.221.696	759.657.298.905
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		217.948.335.050	218.585.789.983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.351.842.214	16.360.505.487
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	14.692.909.839	15.033.957.098
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	54.220.788.037	43.261.874.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		163.386.479.388	176.650.463.540
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.589.437.279	5.417.540.653
12. Chi phí khác	32	VI.7	780.581.315	1.683.410.130
13. Lợi nhuận khác	40		808.855.964	3.734.130.523
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		164.195.335.352	180.384.594.063
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	33.367.592.197	36.437.026.950
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		130.827.743.155	143.947.567.113
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	2.471	2.322
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	2.471	2.322



Biên Hòa, ngày 16 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập

Phạm Quốc Thái
Kế toán trưởng

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		164.195.335.352	180.384.594.063
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	38.594.696.403	42.202.297.327
- Các khoản dự phòng	03	V.7	1.026.413.213	(21.138.535)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(13.814.953.200)	(17.090.513.118)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		190.001.491.768	205.475.239.737
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.712.510.193)	(11.048.513.976)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		680.551.345	9.624.804.442
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		52.092.921.453	11.169.401.305
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(73.433.982.555)	5.012.442.613
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(28.376.453.874)	(33.445.487.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	88.005.000	42.010.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(34.095.893.078)	(45.572.859.839)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.244.129.866	141.257.037.050
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(1.037.165.307)	(34.366.385.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.464.208.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(102.000.000.000)	(68.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	124.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	12.940.146.022	16.397.248.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(40.097.019.285)	39.495.071.087

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	34.200.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.20a	(1.161.774.000)	(516.420.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20a	(70.312.350.000)	(82.085.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71.474.124.000)	(48.401.470.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(38.327.013.419)	132.350.638.137
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	248.193.593.485	115.842.955.348
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	209.866.580.066	248.193.593.485

Biên Hòa, ngày 16 tháng 01 năm 2020


 Nguyễn Ngọc Mai Phương
 Người lập


 Phạm Quốc Thái
 Kế toán trưởng


 Huỳnh Kim Vũ
 Giám đốc
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất sang lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; sản xuất bê tông nhựa nóng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 710 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 724 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thăm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh cho liên quan đến việc khai thác mở rộng mỏ đá. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 37
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và chi phí nâng cấp nhằm nâng cao tính năng sử dụng phần mềm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là trong đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm này.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



11/01/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.103.376.000	1.402.301.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.763.204.066	104.791.292.485
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	158.000.000.000	142.000.000.000
Cộng	209.866.580.066	248.193.593.485

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	-	260.344.000
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	-	260.344.000
Phải thu các khách hàng khác	68.926.038.478	23.647.694.285
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	54.388.424.389	-
Công ty TNHH MTV TMDV Vận tải Châu Pha	1.690.873.455	1.742.509.146
Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành	564.051.538	1.912.146.621
Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Minh	2.231.835.584	3.751.646.961
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng BMT	1.554.007.404	2.134.234.805
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn IMC	2.035.781.187	4.213.282.176
Các khách hàng khác	6.461.064.921	9.893.874.576
Cộng	68.926.038.478	23.908.038.285

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Trị	-	3.676.379.727
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Duy Long	-	2.735.870.455
Công ty TNHH Phú Gia Lương	-	4.040.522.727
Công ty Cổ phần Tư vấn Nam Khang	471.800.000	854.040.000
Công ty TNHH Xây dựng Địa Chất Khoáng sản Vĩnh An	-	260.000.000
Công ty TNHH TMDV Siêu thị Co.opmart Biên Hòa	705.000.000	760.000.000
Công ty TNHH Điện Tài Lộc	838.160.603	-
Các nhà cung cấp khác	311.870.800	274.000.000
Cộng	2.326.831.403	12.600.812.909

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.150.445.000	-	647.000.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, y tế	466.188.136	-	421.255.294	-
Phải thu bảo hiểm thất nghiệp	48.181.324	-	43.419.814	-
Ký quỹ khác	-	-	10.000.000	-
Lãi tiền gửi tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai	1.533.751.000	-	1.160.937.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	2.373.238.356	-	1.334.356.164	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	310.000.000	-	1.344.480.661	-
Cộng	6.881.803.816	-	4.961.448.933	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường các mỏ đá dài hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mỏ Thạnh Phú	6.652.184.262	6.629.497.370
Mỏ Tân Cang 1	5.237.412.057	5.080.220.037
Mỏ Thiện Tân 2	7.080.829.070	6.601.946.780
Mỏ Soklu 2	5.554.368.266	5.554.368.266
Mỏ Soklu 5	2.968.097.414	2.524.386.894
Cộng	27.492.891.069	26.390.419.347

6. Nợ quá hạn

Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.717.899.177	-	7.495.365.010	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.519.086.698	-	8.155.821.598	-
Thành phẩm	15.827.148.185 (1.228.635.469)	-	12.140.078.249 (202.222.256)	-
Hàng hóa	1.297.429.580	-	1.253.994.981	-
Cộng	37.361.563.640 (1.228.635.469)	-	29.045.259.838 (202.222.256)	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	202.222.256	223.360.791
Trích lập dự phòng bổ sung	1.026.413.213	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(21.138.535)
Số cuối năm	1.228.635.469	202.222.256

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	62.332.876.638	383.397.286.103	96.369.476.403	3.925.535.757	115.000.000	546.140.174.901
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.037.165.307	-	-	-	-	1.037.165.307
Thanh lý tháo dỡ	(773.495.910)	(1.142.528.437)	-	-	-	(1.916.024.347)
Số cuối năm	62.596.546.035	382.254.757.666	96.369.476.403	3.925.535.757	115.000.000	545.261.315.861
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.447.992.142	171.240.963.388	27.432.338.772	3.372.655.544	115.000.000	213.608.949.846
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	33.428.687.877	291.797.399.560	58.806.551.509	3.270.545.390	115.000.000	387.418.184.336
Khấu hao trong năm	4.423.269.390	24.373.142.800	9.201.571.128	424.684.517	-	38.422.667.835
Thanh lý tháo dỡ	(513.469.847)	(865.665.486)	-	-	-	(1.379.135.333)
Số cuối năm	37.338.487.420	315.304.876.874	68.008.122.637	3.695.229.907	115.000.000	424.461.716.838
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	28.904.188.761	91.599.886.543	37.562.924.894	654.990.367	-	158.721.990.565
Số cuối năm	25.258.058.615	66.949.880.792	28.361.353.766	230.305.850	-	120.799.599.023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	474.300.000
Số cuối năm	474.300.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	201.921.428
Khấu hao trong năm	172.028.568
Số cuối năm	373.949.996
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	272.378.572
Số cuối năm	100.350.004
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản	-	1.152.219.852	(1.037.165.307)	(115.054.545)	-
Xây mới Bờ kè sắt 20 mét Máy xay số 2 Tân Cang	-	394.751.964	(394.751.964)	-	-
Xây mới Văn phòng làm việc XNKT Đá Tân Cang	-	115.054.545	-	(115.054.545)	-
Bờ kè sắt 20 mét Máy xay số 1 Tân Cang	-	376.069.255	(376.069.255)	-	-
Bờ kè sắt 16 mét Máy xay số 10 Tân Cang	-	266.344.088	(266.344.088)	-	-
Cộng	-	1.152.219.852	(1.037.165.307)	(115.054.545)	-

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù mỏ Thạnh Phú	55.250.212.221	51.188.738.050
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	5.632.683.338	8.127.781.738
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang	72.745.899.359	74.931.490.970
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	114.092.800.464	39.558.099.784
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2	2.279.247.710	2.279.247.710
Công trình nền mặt đường BTXM dày 30cm (Tân Cang)	-	1.691.502.273
Chi phí bồi thường thiệt hại môi trường	1.341.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	86.666.685	217.666.697
Cộng	251.428.509.777	177.994.527.222

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. **Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế trên 1 năm chưa sử dụng.

13. **Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng	2.842.877.895	2.895.867.612
Công ty TNHH Nam Phong	4.096.451.040	4.245.792.540
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Trị	13.963.179.122	-
Công ty TNHH Gia Khánh	9.873.420.061	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Duy Long	6.938.589.461	-
Các nhà cung cấp khác	15.181.393.878	17.860.387.388
Cộng	52.895.911.457	25.002.047.540

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. **Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Văn Hưng	582.841.601	1.119.813.201
Công ty Cổ phần Hải Đăng	-	10.137.518
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	-	17.111.259.206
Công ty TNHH MTV Thiện Khiêm	274.920.487	447.630.489
Các khách hàng khác	12.402.238.435	10.507.913.219
Cộng	13.260.000.523	29.196.753.633

15. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.046.158.460	-	63.296.752.108	(57.916.984.230)	7.425.926.338	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.007.839.085	-	33.367.592.197	(28.376.453.874)	8.998.977.408	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	515.842.527	4.048.733.582	(3.845.744.839)	-	312.853.784
Thuế tài nguyên	5.192.757.187	-	72.853.083.761	(70.798.034.899)	7.247.806.049	-
Tiền thuê đất	-	-	16.874.468.228	(16.874.468.228)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	1.127.901.561	-	42.139.344.672	(39.433.896.823)	3.833.349.410	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	2.439.650.164	31.353.096.314	(28.054.263.058)	859.183.092	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	320.210.050	(320.210.050)	-	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	12.374.656.293	2.955.492.691	264.262.280.912	(245.629.056.001)	28.365.242.297	312.853.784

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước: 05%
- Sản phẩm khác: 10%

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	164.195.335.352	180.384.594.063
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.642.625.634	1.800.540.691
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu/tính thuế	166.837.960.986	182.185.134.754
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	33.367.592.197	36.437.026.950

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên với đơn giá tính thuế và thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
- Đất san lấp	60.000	7%
- Đất gạch	150.000	15%
- Nước sinh hoạt	4.000	3%
- Nước sản xuất	7.000	8%
- Cát khai thác tuyển rửa trên bờ	250.000	15%
- Đá thành phẩm	Giá bán sản phẩm công nghiệp trừ chi phí chế biến phát sinh giai đoạn từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp (nhưng không được thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định)	10%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế đối với diện tích và đơn giá thuê đất theo quyết định cho thuê đất và hợp đồng cho thuê đất.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với đơn giá như sau:

	VND/m ³	VND/tấn
- Đất gạch:	2.200	-
- Đất san lấp:	2.200	-
- Cát xây dựng:	4.400	-
- Đá nguyên liệu:	-	3.003

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Phí cấp quyền khai thác khoáng sản**

Công ty đã nộp giá trị thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá xây dựng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa phải trả	395.356.039	574.085.631
Công ty TNHH Xây dựng Đỗ Lý - chi phí nhân công, máy thi công phải trả	3.357.590.451	1.659.262.238
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.001.287.813	332.977.952
Cộng	9.754.234.303	2.566.325.821

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
		lập từ lợi nhuận	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	35.393.169.125	6.541.387.158	88.005.000	(10.956.860.000)	31.065.701.283
Quỹ phúc lợi	46.090.518.619	6.541.387.158	-	(22.440.642.157)	30.191.263.620
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	580.390.921	1.962.416.147	-	(698.390.921)	1.844.416.147
Cộng	82.064.078.665	15.045.190.463	88.005.000	(34.095.893.078)	63.101.381.050

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
					Cộng	
Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	7.070.787.461	(1.316.700.000)	50.089.404.259	34.150.440.865	539.993.932.585
Phát hành cổ phiếu ESOP trong năm trước	20.000.000.000	14.200.000.000	-	-	-	34.200.000.000
Chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(50.610.254.690)	50.610.254.690	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(516.420.000)	-	-	(516.420.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.592.135.067	(57.508.907.033)	(35.916.771.966)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(82.085.050.000)	(82.085.050.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	143.947.567.113	143.947.567.113	143.947.567.113
Số dư cuối năm trước	470.000.000.000	21.270.787.461	(1.833.120.000)	21.071.284.636	89.114.305.635	599.623.257.732
Số dư đầu năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(1.833.120.000)	21.071.284.636	89.114.305.635	599.623.257.732
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.161.774.000)	-	-	(1.161.774.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	13.082.774.316	(28.127.964.779)	(15.045.190.463)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	130.827.743.155	130.827.743.155
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(70.312.350.000)	(70.312.350.000)
Số dư cuối năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(2.994.894.000)	34.154.058.952	121.501.734.011	643.931.686.424

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	230.300.000.000	316.770.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	45.000.000.000	45.000.000.000
Các cổ đông khác	194.700.000.000	108.230.000.000
Cộng	470.000.000.000	470.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.000.000	47.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.000.000	47.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.000.000	47.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(175.140)	(107.200)
- Cổ phiếu phổ thông	(175.140)	(107.200)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.824.860	46.892.800
- Cổ phiếu phổ thông	46.824.860	46.892.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2018	: 21.264.631.487
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018	: 34.814.340.678
• Thưởng Ban điều hành 2018	: 552.177.000
• Chia cổ tức năm 2018 lần 2	: 70.312.350.000

Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 491/TB-KV XIII ngày 30 tháng 12 năm 2019 Công ty tiến hành tăng phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền (VND)
• Tăng quỹ đầu tư phát triển năm 2018	: 327.503.580
• Tăng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018	: 407.891.593

Theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2019	: 13.082.774.316
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019	: 13.082.774.316
• Thưởng Ban điều hành 2019	: 1.962.416.147

Trong năm Công ty đã tạm trích quỹ thưởng ban điều hành theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 8 năm 2019 với số tiền là 963.178.754 VND. Số tiền trích quỹ thưởng ban điều hành bổ sung cuối năm tài chính là 999.237.393 VND.

03P
C
ÁCH
MT
A
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**21a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.758.247.690	6.547.026.690
Trên 1 năm đến 5 năm	16.753.224.028	18.062.054.557
Trên 5 năm	26.459.213.266	29.771.437.912
Cộng	49.970.684.984	54.380.519.158

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2015 đến năm 2047 và có khả năng được gia hạn thêm.

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng một số khách hàng với số tiền 6.005.381.142 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi (số đầu năm là 6.006.368.008 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán đất, đá	704.776.005.384	696.008.187.702
Doanh thu xây dựng	101.040.304.306	4.628.645.183
Doanh thu bán hàng hóa	269.057.473.314	220.955.985.261
Doanh thu khác	56.879.773.742	56.650.270.742
Cộng	1.131.753.556.746	978.243.088.888

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là 880.955.697 VND (năm trước là 4.531.237.910 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn đất, đá xuất bán	516.085.144.236	507.139.683.036
Giá vốn hoạt động xây dựng	98.420.759.683	4.427.240.185
Giá vốn hàng hóa xuất bán	250.208.756.530	201.685.818.248
Giá vốn khác	49.090.561.247	46.404.557.436
Cộng	913.805.221.696	759.657.298.905

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.979.028.214	15.199.568.487
Lãi tiền ký quỹ bảo vệ môi trường	372.814.000	1.160.937.000
Cộng	14.351.842.214	16.360.505.487

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.947.881.247	5.224.418.690
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	1.738.284.071	1.453.234.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.475.848.810	1.578.164.531
Chi phí vận chuyển, gia công	1.080.568.276	4.517.327.436
Các chi phí khác	2.450.327.435	2.260.811.641
Cộng	14.692.909.839	15.033.957.098

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	28.008.822.184	18.061.351.157
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.216.544.028	1.218.260.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.656.383.616	1.457.414.738
Chi phí sửa chữa thiết bị	15.277.469.689	14.826.610.806
Các chi phí khác	8.061.568.520	7.698.237.650
Cộng	54.220.788.037	43.261.874.832

6. Thu nhập khác

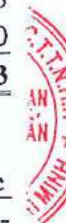
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	730.007.631
Thu nhập từ bán vật tư	-	1.565.989.664
Thu nhập từ bán phế liệu	1.007.927.372	2.498.394.393
Thừa kiểm kê	407.513.393	399.703.445
Thu nhập khác	173.996.514	223.445.520
Cộng	1.589.437.279	5.417.540.653

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	536.889.014	-
Thanh lý vật tư, vật liệu	-	1.531.786.527
Chi phí thẩm định giá, bán đấu giá tài sản cố định	-	84.543.136
Chi phí khác	243.692.301	67.080.467
Cộng	780.581.315	1.683.410.130

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	130.827.743.155	143.947.567.113
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(13.082.774.316)	(35.364.594.966)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	(1.962.416.147)	(552.177.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	115.782.552.692	108.030.795.147
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	46.862.222	46.525.207
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.471	2.322



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Trong năm Công ty đã điều chỉnh số liệu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Thông báo kiểm toán số 491/TB-KV XIII của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII ngày 30 tháng 12 năm 2019 dẫn đến sự thay đổi về số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi trên cổ phiếu. Lãi trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu năm trước tăng lên 2.322 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	155.012.890.370	140.281.840.210
Chi phí nhân công	92.609.128.418	68.148.484.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.594.696.403	42.202.297.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.253.134.126	146.914.574.271
Chi phí khác	166.945.192.357	164.644.638.785
Cộng	676.415.041.674	562.191.835.466

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Lương và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.496.228.571 VND (năm trước là 5.205.258.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là Công ty mẹ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch trả cổ tức cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai với số tiền là với số tiền là 34.545.000.000 VND (năm trước là 55.434.750.000 VND).

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Khoản công nợ phải thu Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho nợ phải thu Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu khai thác đá vật liệu xây dựng (chiếm trên 85% tổng doanh thu), doanh thu hoạt động xây dựng công trình Golf Long Thành không thường xuyên (chiếm 8,85%) và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Trong năm Công ty đã điều chỉnh số liệu năm trước theo Biên bản kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII số 491/TB - KV XIII ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<i>Bảng cân đối kế toán</i>					
Tài sản ngắn hạn	100	360.128.067.721	1.334.356.164	361.462.423.885	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	40.135.943.963	1.334.356.164	41.470.300.127	
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.627.092.769	1.334.356.164	4.961.448.933	(i)
Tài sản dài hạn	200	394.718.475.496	1.691.502.273	396.409.977.769	
Tài sản dài hạn khác	260	209.333.687.012	1.691.502.273	211.025.189.285	
Chi phí trả trước dài hạn	261	176.303.024.949	1.691.502.273	177.994.527.222	(ii)
Tổng cộng tài sản	270	754.846.543.217	3.025.858.437	757.872.401.654	
Nợ phải trả	300	156.856.388.399	1.392.755.523	158.249.143.922	
Nợ ngắn hạn	310	156.856.388.399	1.392.755.523	158.249.143.922	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	11.389.792.363	984.863.930	12.374.656.293	(iii)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	81.656.187.072	407.891.593	82.064.078.665	(iv)
Vốn chủ sở hữu	400	597.990.154.818	1.633.102.914	599.623.257.732	
Vốn chủ sở hữu	410	597.990.154.818	1.633.102.914	599.623.257.732	
Quỹ đầu tư phát triển	418	20.743.781.056	327.503.580	21.071.284.636	(iv)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	87.808.706.301	1.305.599.334	89.114.305.635	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	87.808.706.301	1.305.599.334	89.114.305.635	(v)
Tổng cộng nguồn vốn	440	754.846.543.217	3.025.858.437	757.872.401.654	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	761.348.801.178	(1.691.502.273)	759.657.298.905	(v)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	216.894.287.710	1.691.502.273	218.585.789.983	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15.026.149.323	1.334.356.164	16.360.505.487	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	42.987.287.832	274.587.000	43.261.874.832	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	173.899.192.103	2.751.271.437	176.650.463.540	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	177.633.322.626	2.751.271.437	180.384.594.063	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35.869.112.715	567.914.235	36.437.026.950	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	141.764.209.911	2.183.357.202	143.947.567.113	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.287	35	2.322	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.287	35	2.322	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	177.633.322.626	2.751.271.437	180.384.594.063	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.756.156.954)	(1.334.356.164)	(17.090.513.118)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		204.058.324.464	1.416.915.273	205.475.239.737	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.714.157.812)	(1.334.356.164)	(11.048.513.976)	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10.752.451.610	416.949.695	11.169.401.305	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.703.944.886	(1.691.502.273)	5.012.442.613	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(45.430.497.144)	(142.362.695)	(45.572.859.839)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	142.591.393.214	(1.334.356.164)	141.257.037.050	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.062.892.323	1.334.356.164	16.397.248.487	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	38.160.714.923	1.334.356.164	39.495.071.087	
(i) Các khoản phải thu ngắn hạn tăng do điều chỉnh tăng lãi dự thu của 18 hợp đồng tiền gửi ngân hàng.					
(ii) Chi phí trả trước dài hạn tăng do điều chỉnh giảm chi phí phân bổ.					
(iii) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước					
- Tăng thuế GTGT phải nộp				416.949.695	
- Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp				567.914.235	
Cộng				984.863.930	
(iv) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển					
Tăng do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng					
(v) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối					
- Tăng do điều chỉnh tăng lãi dự thu tiền gửi ngân hàng				1.334.356.164	
- Tăng do điều chỉnh giảm chi phí phân bổ				1.691.502.273	
- Giảm do điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp				(274.587.000)	
- Giảm do tăng thuế TNDN				(567.914.235)	
- Giảm do tăng trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(550.254.288)	
- Giảm do tăng trích quỹ đầu tư phát triển				(327.503.580)	
Cộng				1.305.599.334	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống.

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.



BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN 2019

Đồng Nai, ngày 07 tháng 04 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *mm*



Nguyễn Văn Dũng